

PHẬT-GIÁO HỘI  
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1<sup>er</sup> VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N° 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc  
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo  
Quản-lý : Cung-đình-Bình

Chánh chủ-bút: Phan-chung-Thư  
Sư cụ chùa Bằng-Số  
Phó chủ-bút: Dương-vân-Hiệp  
Sư cụ chùa Tế-Cái

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

**PHƯƠNG DANH BẢO-TRỢ PHẬT-HỌC BẮC-KỲ**

(liếp theo)

- 112.) Trụ trì chùa làng Danh lâm tổng Hội phu Từ sơn Bắc ninh.
- 113.) Trụ trì chùa Lương Lỗ tổng Tuần lệ Đông anh Phúc an.
- 114.) Trụ trì chùa làng Vân tri tổng Tuần lệ Đông-anh Phúc an.
- 115.) Đông anh Phật giáo đại lý tăng.
- 116.) Trụ trì chùa làng Phượng curu tổng Cổ loa.
- 117.) Đông anh Phật giáo phó đại lý.
- 118.) Trụ trì chùa làng Phượng trạch tổng Tuần lệ.
- 119.) Đông anh Phật giáo thủ quỹ tăng.
- 120.) Trụ trì chùa làng Chung Uy tổng Tuần lệ.
- 121.) Đông anh Phật giáo hộ niệm tăng.
- 122.) Trụ trì chùa làng Khê-nữ tổng Xuân nộn.
- 123.) Quách diêu đạo sĩ hiệu đại mãng Hành giả.
- 124.) Trụ trì Kim sơn tự tỉnh Hòa-bình.
- 125.) Đương gia chùa làng Hòa lạc tổng Phú đạo.
- 126.) Kim Bảng Hà nam.
- 127.) Bùi đức Phu Bảo kỳ nghị viên xuân bằng xã xuân tràng nam định.
- 128.) Đặng pháp hiệu Phi nhật xã Thượng cổ tổng phi-nghuyên Kiến an.
- 129.) Cụ Nguyễn huy Xương phố Au mấn Bắc ninh.
- 130.) Trụ trì chùa làng Thanh sáng Gia lộc Haidương
- 131.) Trụ trì chùa làng Hòa lạc tổng phú đạo Kim-bảng Hà-nam
- 132.) Trụ trì Mỗ-diên tổng Thượng mỗ Thuận thành Bắc ninh.
- 133.) Trụ trì chùa làng Mỹ cụ tổng Dương chính Phú nguyên Kiến an.
- 134.) Trụ trì chùa làng Cờ-am tổng đông an Vĩnh bảo Haidương.

(Còn nữa)

---

**GIẤY NÓI**

Số 836 : Cụ Chánh Hội-Trưởng hội Phật-giáo, Thái-hà-áp

Số 832 : Nhà in Đức-tuệ chùa Quán-Sứ 73 Richaud Hanoi

## CÂU TRUYỆN ĐẠO PHẬT VỚI VIỆC LÀNG

Được buổi, ngày xuân thư nhàn, tiểi xuân dầm âm, trước thư-phòng, ánh xuân-quang rặc-rỡ, cỏ cây đang nảy mầm ra lộc, chim xâu đều sồn-sở nhẩy bay. Vạn vật coi ra đều có ý trút cũ đổi mới, xăm xăm tiến-hóa cho kịp với thời-gian. Chủ-nhơn đang lặng xem vật-lý mà tránh nghĩ đến cuộc nhân-sinh. Chợt trông lên thấy một ông khách bước vào, chủ-nhơn vội vờ ra chào, bắt tay nhận mặt, thì ra khách là một ông bạn mới tương ngộ ở một làng có hội Phật giáo kia.

Khách một nhà cựu-học mà kiếm <sup>thời</sup> <sup>đang</sup> <sup>học</sup>. Tuổi trạc ngũ tuần, tóc râu lốm-đốm bạc mà khí-sắc hải nhiều. Hai con mắt sáng mà nhanh, đưa lông ở dưới cái trán cao mà rộng, diềm đôi vết răn để ghi bao nhiêu cuộc từng quen phấn đấu với hoàn-cảnh để giắt đưa quần-chúng nay vẫn không trồn. Chủ mừng rỡ mời khách ngồi, hai bên đàm-luận qua về đạo Phật, về xã - hội, về quốc - gia, rồi quay đến câu truyện việc làng.

Ông khách thở dài tỏ ý thất vọng nói :

— Tôi cũng nghĩ, góp làng thành nước, làng có hay thì nước mới hay. Bởi vậy tôi phải nhúng tay vào việc làng. Ngồi cái ghế Chánh Hương - hội bao năm để cải cách hương-chính, nào trừ bỏ tệ cũ, nào kiến-thiết việc mới, tôi không quản tốn công mà còn thiệt của. Thế mà ở thời, lưu hi! Thực là hư hi. Giạ trăng xe cát bề đồng, nhọc mình mà chẳng nên công cán gì. Cái cổ-lật nó lè, cái ác-tính ruồi nhặng ở thôn quê, thực không còn phép gì chữa lại được nữa. Tiên-sinh còn lạ gì cái cuộc cải lương hương-chính vừa rồi, làng tôi cũng như làng

khác, ba gian nhà hương - hội kiểu tày, chẳng qua là cái biểu-hiệu để quan trên khen đó thôi. Chứ ngày nay thì, 10 cái nhà hương-hội có đến 8, 9 cái rêu phong ngói chứt, mà những cái vạ thối xối, ngôi-thứ, mọi khét, vẫn hoành-hành ở trong các chốn rặng tre như xưa.

Chủ-nhân biết ý khách tuy nói vậy mà chính biểu-lộ ra là một người chân-thành yêu nước yêu dân, coi việc làng như việc nhà chứ chưa phải là chân đời vậy. Chủ-nhân bèn ôn-tồn tiếp lên rằng :

— Thưa Tôn-ông, chính tôi đây cũng đã từng nhúng tay vào việc làng và cũng nhận thấy cái tình-tệ, hường chung cái thất-vọng như Ngài, song về phần tôi thì tôi cho rằng chỉ vì ta chưa hết sức làm và làm chưa hợp phương-pháp đó mà thôi, chứ đời không có bao giờ là hư hỏng đến phải bỏ.

— Làm chưa hết sức, điều ấy tôi xin công nhận.  
 .. như làm chưa hợp phương-pháp, xin Tiên-sinh chỉ bảo cho biết thế nào là hợp phương-pháp ?

Chủ : - Giáo-hóa là mẹ đẻ của chính-trị, tức như nói tư-tướng là mẹ đẻ của sự-thực. Cho nên mỗi một cuộc chính-trị thay đổi tất phải có cái giáo-hóa, hay nói nôm là cái tư-tướng về tinh-thần của cái chính-trị ấy nó đi trước để thấm-thía vào lòng người. Lòng người đã sục-hướng về tinh-thần ấy đầy đủ thì hình-thức tự thay đổi ngay được. Như nước Pháp đang là một nước quân-chủ chuyên-chế uy-mãnh nhất thế-giới mà nhất đán đổi ra làm chính thể dân-chủ cộng hòa, là nhờ có cái giáo-hóa « nhân quyền » nó tiêm nhiễm vào lòng người từ trước hàng một trăm năm. Chứ có phải ngẫu-nhiên mà làm được ngay đâu. Làng tuy nhỏ, nhưng những di-truyền, tích-lệ sáu xa cũng không khác gì một nước. Nay nhất-đán cử lương hương-chính, đem cái làng văn-minh tân-thức thay vào cho cái làng hủ-bại nghìn xưa, mà không có giáo-hóa gì để cõ-vũ trước để chỉ dẫn cho lòng người

su hướng sang con đường mới thì làm bị thất-bại là phải

Khách : -- Trước khi cải lương hương chính, biết bao nhiêu là báo là sách nào bài-trừ cái vụ thịt xói, nào cách khử cái tệ ngói thừ, nào công kích cái độc hào đồ, thế không phải là giáo-hóa, là tư-lưỡng đi trước dư. Mà nào có thấm-thía được tí gì.

Chủ : -- Phàm những sách những báo cổ-động và bài-trừ hủ-tục như thế, chính là việc giáo-hóa, việc không thể thiếu được. Song đó mới là việc chọt lực cho giáo hóa chứ chưa phải là việc căn bản giáo hóa. Và những sách những báo ấy chỉ suy khư được cho số ít người thành-thị mà không phổ-cấp được cho mọi người trong làng thôn ò.

Khách -- Vậy trước khi cải cách hương chính, ta nên dùng cách giáo-hóa gì cho hợp thời bấy giờ ? còn nữa,

Chủ -- Chỉ bằng Phật-giáo.

Nghe chủ-nhân nói câu ấy, khách ngạc-nhiên lấy làm lạ, coi như câu chuyện có người trên Hỏa-tinh mời xa xuống Địa-cầu, ông ngồi ngay người lên rồi tỏ ra vẻ sửng-sốt mà rằng :

-- Phật-giáo à ! à Phật-giáo ! Thế ra đang cái đời văn-minh tiến-hóa, tri sảo canh-tranh này, mà Tiên-sinh muốn cho mọi người nam phụ lão ấu trong các làng chúng tôi, ai nấy cũng lần tràng gõ mõ để trông lên cõi nát-bán lịch-diệt hay sao ?

Chủ-nhân vui vẻ đỡ lời khách :

-- Không, không phải thế. Tôi nói Phật-giáo nghĩa là đem tinh-thần đạo đức của đạo Phật mà giáo hóa cho người làng, để cho người ta mở rộng tâm trí mà đổi thay tư-lưỡng, cho hợp với tinh-thần chính trị mới, thì lúc làm hương-chính tự dễ làm mà có kết quả tốt.

Khách : -- Đạo đức của đạo Phật thế nào mà lại hợp với tinh thần chính-trị mới được như thế kia du ?

Chủ : -- Cuộc chính-trị mới ngày nay là phát minh ra Âu-châu về 18 thế-kỷ, linh-thần của cả cuộc chính-trị mới ấy là ở hai chữ « nhân quyền », nghĩa là cái quyền giới cho người ta được tự do sinh-hoạt ở đời. Muốn cho nhân quyền phát-đạt, tất phải giải-phóng hết thảy mọi cái giai-cấp đè nén nhau trong xã-hội. Tôn ông từng đọc lịch sử chính-trị đời nay, tất Tôn-ông cũng đã hiểu hơn 200 năm nay, bao nhiêu cuộc chính-trị vận-động ở Âu, ở Mỹ, ở Nhật, ở Hoa, và ở các nước Phi, Úc, mục-đích chỉ là vì đề cao nhân quyền, giải-phóng giai cấp mà thôi. Đề cao nhân-quyền, giải phóng giai cấp, nói tóm lại chính là chủ-nghĩa bình-đẳng. Thế mà chủ nghĩa bình-đẳng lại chính là cái nền móng lập nên đạo Phật. Đức giáo-lão đạo Phật chính là vì muốn đề cao nhân-quyền giải-thoát giai cấp mà xướng lên chủ-nghĩa bình-đẳng và để làm căn-bản cho đạo Phật. (Xem lại bài Phật-giáo lâu-luận).

Làng tuy nhỏ, nhưng tự nó cũng đủ mọi cơ-quan sinh hoạt của một dân-đoàn. Hương - chính tuy hẹp mà cũng đủ mọi cơ-quan hành-động của một nền chính-trị. Vậy đem chủ-nghĩa bình đẳng mà cảm-hóa cho người làng há không phải là cách hướng dẫn cho người ta về cái linh thần chính-trị mới đó dư.

Khách : -- Thế thì ở các làng đạo Phật cũng như đạo Nho, vẫn có đủ lâu, giáo hóa đã nhiều rồi, phải đâu là việc mới lạ ?

Chủ : -- Cùng nhau gây dựng nên cái nền văn hóa cho ta từ xưa là Nho với Phật. Song Nho thuộc về giáo dục mà Phật thuộc về tông giáo. Vì tông giáo là tinh-cách công khai và phổ-cập, một cái cơ quan huấn-luyện tinh thần quần-chúng rất dễ làm. Thế mà đạo Phật cốt-gi髓 là tinh thức cho người đời khỏi mê-muội mà đi lên cõi giác-ngộ. Duy đạo Phật xưa kia bị đời nhận lầm, thành ra chỉ là một cái thú riêng của các nhà độn thế tu-hành, và là một nơi thần-bí của bọn tín-đồ cầu-nguyện mà thôi. Thực

chưa có một lúc nào là đạo Phật được đem chủ nghĩa chân-chính của mình ra giáo-hóa cho quần-chúng, làm lợi ích cho hiện-thế. Vậy thì tuy có đã lâu mà vẫn là chưa có. Cũng như cỗ ngon vẫn để đó mà người chưa từng ăn qua, thì sao biết là ngon.

Khách : - Tuy thế nhưng, tôi tưởng cái cỗ lột nó lẹ và cái ác-tính ruồi-nhặng của dân què ta thì đạo giáo gì cũng hóa nổi. Tiên-sinh không thấy đời ngày nay mà vẫn còn có những người học-thức quyền-quy đã về vườn mà còn mượn cái thanh thế hào huyền để chiếm lấy cái chiếu thờ-hào mà áp chế dân em trong làng đó đư ?

Chủ : -- Đó cũng là vì họ chưa cảm hóa được đạo Phật cả. Đạo Phật là một đạo giải-thoát quần-hùng. Lấy bình đẳng làm chủ-nghĩa, lấy bạt khổ dữ lạc, nghĩa là làm cho kẻ khác khỏi mọi sự khổ-sở được mọi sự sung-xương, làm mục-đích. Vì đạo Phật là tông-giáo nên đạo Phật lại dạy rõ cho người ta rằng làm được chủ-nghĩa và mục-đích ấy thì được phúc. Trái lại thì phải tội. Người ta ở đời, ai không có tri-giác, nếu không phải là bậc biết thờ lương-tâm, tất phải là kẻ biết sợ họa phúc. Đức không nói người ta tính vốn lành, đức Phật nói Phật với chúng sinh cùng một chân tính. Vậy cái cỗ lột nó lẹ, cái ác-tính ruồi-nhặng kia, cũng là ngoại nhiễm đó thôi, chứ há phải là bản lai đầu. Nếu quả có đạo hay nghĩa chính, ngày đem giảng dụ dần dần, lẽ nào người ta lại không cải ngộ lại được.

Khi người ta đã hóa theo đạo, hiểu cái nghĩa bình-đẳng, tất người ta tự khử cái lệ ngôi thứ hư-danh đi ; khi người ta biết tin chân-tâm hay biết sợ họa-phúc, tất người ta tự chừa bỏ cái dục mọi khövet đi ; khi người ta hiểu cái lẽ giải-thoát cho người là giải-thoát cho mình, tất người ta không đem cái nợ miệng thị xoi mà trói buộc nhau nữa. Đến bấy giờ, lương-chính thế nào mà lại không có kết-quả mỹ-mãn.

(còn nữa)

Quảng-trăng-Thiệt Cư sĩ

# VIỆT-NAM THIÊN-TÔNG THỂ-HỆ

(liếp theo)

## Phái Ti-ni-da-lưu-chi

Đời thứ nhất. -- Ti-ni-da-lưu-chi Thiên-sư

Phái này do Ti-ni-da-lưu-chi Thiên-sư truyền do Thiên-lông từ Trung-quốc sang ta. Thiên-sư trụ trì chùa Pháp-vân, Cồ-châu-hương, hạt Long-biên. Thiên-sư vốn là người ở Nam Thiên-trúc về phái Bà-la-môn. Từ thuở còn nhỏ, Người đã có chí khác tự, đi chời khắp trong cõi Thiên-trúc để cầu tâm-ấn của đạo Phật. Vì cơ-duyên chưa gặp, Người bèn đeo khăn gói sang cõi đông-độ vào Trung-quốc.

Trung-quốc thời ấy là đời nhà Trần, niên hiệu Đại-kiên thứ 6. Nhâm-ngọ, Ti-ni-da-lưu-chi mới tới Tràng-an thì gặp lúc vua Vũ-đế nhà Chu đang hủy diệt Phật pháp.

Người muốn đi sang đất Nghiệp, nhưng được Tồ đệ tam la Tânq-sân vì tránh nạn phải mang y bát vào ẩn ở núi Tư không, nên Người vào núi thì gặp được Tam-tồ. Thấy Tam-tồ cử chỉ khác thường, Người động lòng kính-phục, bèn trấp tay đứng làm lễ với ba lần mà Tam-tồ đều ngời lim-dim mắt không nói gì. Người đứng yên, nghĩ ngợi một lúc bỗng thấy bàng-khuáng như có sở đắc điều gì, liền sụp xuống lạy ba lạy. Tam-tồ cũng chỉ gật đầu ba cái mà thôi.

Ti-ni-da-lưu-chi bước lại ba bước mà bạch rằng :

« — Đệ-tử tôi đến đây xin Hòa-thượng rủ lượng từ bi cho đệ-tử được theo hầu bên tả bên hữu ».

Tam-tồ nói :

« — Ông phải đi sang ngay phương nam mà liếp chúng, không nên ở lâu đây làm gì ».

Thiên-sư liền từ tạ ra đi. Người đến trụ-trì lại chùa Chê-chỉ đất Quảng-châu tỉnh-thành Quảng-đông bấy giờ.

Năm Đại-đề 大抵 thứ 6, Người dịch bộ kinh TƯỢNG-



dầu báo nghiệp sai đặng 衆頭報業差等 do chữ Phạm ra chữ Nho. Đến niên-hiệu Đại-tướng thứ 2 nhà Chu, Canfi-ti, tháng 3, Người sang nước ta trụ tại chùa Pháp-vân, lại dịch được một quyển kinh Tống-tri 網持. Một hôm Thiên-sư gọi ông Pháp-Hiền là đệ tử thâu-eản vào phòng mà bảo rằng :

« - Nay ông phải biết, tâm-ấn của chư Phật, không có thể mập mờ được. Tâm ấy hoàn toàn cùng với cõi thái hư, không có gì là thừa là thiếu, không có là chỉ có đi đâu lại đâu, không có chi là được là mất, không phải một cũng không phải là hai khác nhau, không phải là thường thường cũng không phải là gián đoạn. Nó vốn không có chỗ nào sinh cũng không có chỗ nào diệt. Nó không phải là xa cách cũng không phải là không xa cách. Chỉ vì đối với mọi vọng duyên, nên phải đặt chio nó cái tên giả đó mà thôi.

Bởi thế chio nên Tam-thế Chư Phật cũng hiểu như thế mà đắc đạo. Lịch-đại Tồ-sư cũng hiểu như thế mà đắc đạo. Ta đây cũng hiểu như thế mà đắc đạo. Ông rồi cũng hiểu thế mà đắc đạo. Cho đến mọi giống hữu tình, vô tình cũng đều phải hiểu như thế mới đắc đạo được.

Và Tồ Tăng-sán ta khi ấn chương tâm ấy cho ta, Người bảo ta rằng : « Ông phải đi ngay sang phương nam mà tiếp chúng, không nên ở lâu đây làm gì ». Vì thế ta đi trải bao nơi mới đến đây. Nay gặp ông thực là đúng với lời huyền ký ấy. Vậy ông phải nhớ kỹ lấy những lời ta, ta đã đến lúc về rồi đây.

夫諸佛心印, 必不相賺. 圖同太虛, 無欠無餘. 無生無來, 無得無失. 非一非異, 非常非斷. 本無生處, 亦無滅處. 亦非遠離, 亦不遠離. 爲對妄緣, 亦立名爾. 所以三世諸佛, 亦以如是得. 歷代祖師, 亦以如是得. 我亦以如是得, 汝亦以如是得. 以至有情無情, 皆以如是得. 且吾祖樂公印吾此心

時，謂吾速南行交接不宜久住。驥歷于茲，今與汝遇，果符縣記。汝善持之，吾去將至矣。《Phù chư Phật tâm ấn, tất bất tương chần, viên-đồng thái hư, vô khiếm vô dư, vô khứ vô lai, phi nhất phi dị, phi thường phi đoạn. Bản vô sinh xứ, diệc vô diệc xứ, diệc phi viên-ly, phi bất viên ly. Vị đối vọng duyên, giả lập danh dĩ. Sở dĩ như Tam thể Chư Phật, diệc dĩ như thị đắc. Lịch-đại Tồ-sư diệc dĩ như thị đắc. Ngã diệc dĩ như thị đắc. Nhữ diệc dĩ như thị đắc. Dĩ chí hū-tinh vô lnh, giai dĩ như thị đắc. Thả Ngô tồ Sát công, ấn ngô thủ tâm thời, vị ngô tốc nam hành giao liếp, bất nghi cửu trụ. Khoáng lịch vu tư, kim dĩ như ngô, quả phù huyễn ký. Nhữ thiệp tri chi, ngô khứ thời chi hĩ 》.

Nói song Ti-ni đa-lưu chi trấp tay ngồi yên mà hóa. Ông Pháp hiền rước đàn hỏa rồi thu xá lợi xây tháp. Bảy giờ là niên hiệu Khai hoàng thứ 14, nhà Tùy, nhâm dần. Sau vua Thái tông nhà Lý có làm bài kệ truy tán Ti-ni đa-lưu chi rằng :

創自來南國 Sáng tự lai Nam-quốc.  
 聞君久習禪 Vãn quân cửu tập thiền.  
 應開諸佛信 Ứng khai Chư Phật tín,  
 遠合一心源 Viễn hợp nhất tâm nguyên.  
 皎皎楞伽月 Hiệu hiệu lằng-già nguyệt,  
 芬芬般若選 Phấn phấn bát nhã liên.  
 尙時幸相見 Hà thời hạnh tương kiến,  
 相與話重玄 Tương dĩ thoại trùng huyền.

Dịch :

Ông sang nước Việt-Nam,  
 Mở đầu pháp Thiên-tông.  
 Truyền tâm ấn Chư Phật,  
 Khai đạo mạch một rồng.

Sen bát-nhã thơm mùi,  
 Trăng lằng-già sáng trong.  
 Muốn cùng ông đàm đạo,  
 Bao giờ được gặp ông.

Vua Lý Thái-tông lại tặng phong cho Người là :

Pháp-vân Tì-ni-da-lưu-chi Pháp-tự 法雲比尼多流支  
 法嗣。— Tờ Tì-ni-da-lưu-chi chùa Pháp-vân, Pháp-tự  
 của Phật.

Đ. N. T.

BÀI GIẢNG CỦA ÔNG TÚ NGUYỄN-HỮU-TIÊN  
 giảng tại chùa Quán-sứ Hanoi  
 CÂU CHUYỆN NIỆM PHẬT

—> ॐ ◯ ॐ <—

Nam mô A-di-đà Phật

Thưa chư vị đại-đức,

Thưa các Cụ, các ngài giáo-hữu.

Hôm nay là tuần rằm tháng chạp là một kỳ diễn-giảng cuối năm, tôi lại được cái hân hạnh trong ban cư-sĩ cử ra lên đây trước Tam-bảo đề cống hiến các cụ một câu chuyện ngắn, câu chuyện thông - thường mà thôi. Câu chuyện gì ? Câu chuyện niệm Phật. Chắc cũng có người chưa hiểu, bảo rằng đương buổi văn-minh người ta nhầy nhót như thế này, bác này lại giữ cái câu chuyện rù-rì gõ mõ ra chữ gì ! Nhưng không phải, câu chuyện niệm Phật cũng có nhiều ý-nghĩa, mà cũng có phần bổ-ích chứ chẳng không

Hưởng chi chúng ta . . . Chúng ta nay đã nhận là Hội-viên trong hội Phật-giáo, thì đều là đệ tử nhà Phật cả ; thế thì các cụ đi chùa, ai là chẳng

biết tụng kinh niệm Phật, cần gì mà phải nói. Nhưng tụng kinh mà hiểu thấu được nghĩa kinh hồ để đã mấy ai, may ra có chư-tăng là tụng kinh được nhiều mà thôi. Chứ như các cụ tại-gia thì chỉ cần niệm Phật là đủ. Xét ra cái công niệm Phật của các cụ cũng có phần an ủi được tâm-thần hơn cả.

Trong kinh Di-Đà dạy người tu đạo phải có năm căn lực : một là **tín lực** là chuyên tâm tin chính-đạo để phá tan điều ngoại-là, điều phiến-não đi ; hai là **tiền lực** là cố sức tinh-tiến để trừ cái lòng trễ-nãi lười biếng đi ; ba là **niệm lực** để chuyên niệm về đạo chính mà phá tan tà-niệm đi ; bốn là **định lực** là định lấy cái tâm cho vững mà phá tan những điều tư-tướng tạp loạn đi ; năm là **tuệ lực** là sáng suốt tinh khôn để phá tan những ý kiến về ngoại tà, dứt bỏ những điều chấp-chuộc nhỏ mọn đi ; trong năm căn lực trên này niệm - lực là một phần cốt-yếu hơn cả.

Sau còn bảy phép bỏ-để nữa : Một là **trạch pháp** là phải kén chọn tuyền-trạch cho sành ; hai là **tinh-tiến** là phải cố gắng tấn-tới lên cho đến nơi đến chốn ; ba là **hỷ** là phải hỷ-xả vui-thích mà làm việc thiện ; bốn là **trừ** là phải trừ-khử bỏ hết những điều vọng-tướng ; năm là **xả**, là phải hỷ-xả bỏ hết những điều tư-ý tư-lợi ; sáu là **định**, là phải thiển-định cho lĩnh cái tâm ; bảy là **niệm** là phải trì niệm cho chuyên-trú, đừng có eo trềnh-mãng lúc nào ; ấy là bảy phép bỏ-để, mà tựu-trung phép **niệm** là cần hơn cả.

Tại sao mà cần phải niệm ? Vì rằng người tu đạo cần phải lúc nào cũng lĩnh-thức giác-ngộ luôn đưng có u mê, nếu người nào cái tâm say-mê mà chìm đắm mất đi, thì lại cần phải niệm luôn, để cho định cái tâm lại mà sinh ra tuệ, thì mới biết đường mà tuyền-trạch, mà tinh tiến, mà hỷ xả, vui thích mà làm mà học cho đến được đường chính-đạo chính-giác. Nếu người nào cái tâm nóng nổi phù-phẩm mà động lên luôn, thì cũng cần phải niệm cho

nó định cái tâm lại, để cho nó sinh ra tri-luệ, rồi mới biết đường mà trừ-khử, mà thí-sả, mà định-trụ, rồi mới hay hằng hái lên mà làm cho hàng phục hết cả những điều vọng-niệm là tâm đi ; xem thế thì trong bầy phép bỏ đề đều cần phải niệm, mà trong tám thành-đạo cũng cốt ở một điều chính-niệm mà thôi.

Song niệm thì phải trì niệm như thế nào ? thường thường các cụ vẫn chuyên niệm danh - hiệu chư Phật, cho trụ-định lấy cái tâm, đừng để cái tâm nó trành-mãng xao những thì mới có ích. Trong kinh Lăng-nghiêm chương niệm Phật có dạy rằng : « Niệm là gì ? Niệm là phải tưởng niệm nhớ đến luôn, ví như hai người chơi với nhau, một người này nhớ đến người kia luôn, mà người kia quên bẵng đi không nhớ đến người này nữa, thì mấy khi cho gặp mặt nhau được, tuy rằng có lúc gặp nhau đấy, nhưng một người kia đã quên những đi rồi, thì đâu có gặp nhau đấy mà cũng như không gặp nhau vậy, thế cho nên cần phải tưởng niệm đến nhau luôn. Lại ví như thập-phương chư Phật lúc nào cũng tưởng niệm đến chúng-sinh luôn ; Phật thì ví như mẹ mà chúng-sinh thì ví như con, mẹ vẫn nhớ đến con luôn, mà con thì chẳng nhớ chi đến mẹ, cứ lần trốn đi chơi hoài, như thế thì mẹ tài nào dạy bảo được con, mà cứu giúp cho con được. Có khác gì Phật vẫn tưởng niệm đến chúng-sinh chúng ta, mà chúng ta chẳng tưởng niệm gì đến Phật, thì Phật tài nào mà độ cho chúng ta được, vậy thì chúng ta đã là con Phật, thì chúng ta nên thời thường tưởng-niệm đến mẹ là Phật, lúc nào cũng tâm tâm niệm niệm nhớ đến Phật, như thế thì chúng ta tự-khắc trông thấy Phật, mà Phật hiện ngay đến độ cho chúng ta ngay, đến khi trăm tuổi già, Phật sẽ đón rước về nơi tịnh độ, vui sướng biết chừng nào !

↳ Lại trong kinh Di-đà, đức Phật ngài có bảo ông Xá-lí-Phất rằng : « Nếu có người thiện-nam tin nữ nào mà thường nhớ đến đức Phật A-di-Đà, mà lại hay niệm :

« Nam-mô A-di dà Phật » niệm luôn được đến bảy ngày, tự nhiên là trong tâm không rối loạn, không đảo-diễn, sẽ trông thấy ngay chư Phật thánh chúng hiển hiện ra trước mắt ; khi trăm tuổi về châu Phật, được vãng-sinh ngay sang nước cực lạc là nước của Phật thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi . Ấy cai thuyết về công hiệu niệm Phật trong kinh dạy hay như thế, nên các cụ ta đã quý rồi, nhiều cụ sớm tối vẫn chỉ tâm niệm Phật. Cụ nào mà thực là thành tâm niệm Phật để mong quy y chính đạo, thì thực là quý hóa vô cùng ; tuy cũng có cụ hoặc vì sợ về họa phúc báo ứng mà niệm Phật, hay là vì có cái lòng hi-vọng sở cầu điều gì mà niệm Phật, thì cũng càng hay. Hoặc là cầu sống lâu giàu bền mà niệm Phật chẳng ? Hoặc là cầu tiêu tai giải nạn mà niệm Phật chẳng ? hay là cầu vãng sinh tịnh độ mà niệm Phật chẳng ? Người ta hay có cái hi-vọng sở cầu như thế, thì mới hay chuyên tâm niệm Phật thì cũng chẳng sao, tri-niệm mãi rồi cũng thành thói quen, tự nhiên nó trụ định được cái tâm lại không nghĩ vơ nghĩ vẩn, mê hoặc về những điều nhảm nhí quàng xiên, mà hay trú tâm ở Phật, chuyên tâm làm điều thiện điều lành, mà tự mình không biết, niệm Phật được như thế chẳng hay lắm du !

Song, lời xin các cụ niệm Phật cần phải biết cái phép tu tập độ mới được, vì như muốn cầu vãng-sinh tịnh-độ thì trước nhất phải có ba điều : Một là **tín**, hai là **nguyện**, ba là **hành**, có ba điều ấy để làm lương mà đi sang nơi tịnh-độ.

1.) **Tín** là gì, là chính-tin chứ không phải mê-tin, mê-tin là phải róc một lòng tin về chính-đạo chính-giác, không mê-hoặc về những tào-đạo nhảm nhí quàng xiên. 2.) **Nguyện** là gì, là phải phát đại-nguyện, trước nhất là thế nguyện đoạn hết tất cả chư căn phiền-não, thế nguyện học thấu các kinh điển Pháp-môn, thế nguyện thành được đến vô thượng Phật-đạo ; lại thế-nguyện tế-độ hết thảy

chúng-sinh. 3) **Hành** là gì ? là phải thực hành, đã phát nguyện rồi thì phải thực hành, chứ không phải chỉ phát nguyện ngồi xuống gõ mõ đầu. Cho nên đã phát nguyện những điều gì, thì phải thực-hành ngay, như đã phát-nguyện lễ-độ chúng-sinh, thì phải thực-hành công việc lễ độ, như là thấy kẻ đói cho cơm thấy kẻ rét cho áo, làm những công việc bổ ích cho gia đình, bố-thí cho xã-hội, dầu tốn phí bao nhiêu cũng không sè không tiếc, có thực hành như thế mới hay thành công đức được. Chư Phật Bồ-tát đều có phát đại nguyện mà lại hay thực-hành, nên mới hay đạt được đến đại nguyện lễ-độ. Nếu chúng ta qui Phật mà chỉ biết niệm Phật xuống chỉ chực bám vào Phật mà xơi, không phát-nguyện mà cũng không thực-hành điều gì cả, thì không phải cái bản ý cứu thế của chư Phật.

Ta phải biết rằng cái phép niệm Phật là để trừ - định lấy cái tâm lại, nếu cái tâm không có cái gì để trừ-niệm thì nó hay lỏng bóng, hay động niệm nghĩ cần nghĩ bậy, để cho thỏa thích cái lòng muốn kia, nên mới thành ra người hư người ác. Nay ta hay hằng ngày sớm tối chú tâm niệm Phật, thì nó tự nhiên cái tâm chỉ chuyên chú ở Phật, chỉ chuyên-chú làm việc thiện, không nghĩ đến những điều sân bậy gì cả, thì tự nhiên nó xa lánh những điều ác đi, cái tâm tự nhiên định-trụ lại, chứ không phóng phiếm nữa, thế mới biết trong lúc niệm Phật hay định-trụ được cái tâm, mà tự mình không biết đã định-trụ được cái tâm lại, thì tự nhiên nó an-nhôn thư-thái, không hề lụy một tí vật dục gì cả, cái tâm mà được vui sướng thư nhàn, đó tức là nơi cực lạc đấy, là nơi linh-độ đấy, chứ phải cầu đâu xa !

Xem thế thì niệm Phật là cốt trụ định lấy cái tâm lại để mà tu-dưỡng, để mà tuyệt hẳn vọng niệm đi không vướng vào nghĩ cần thì không gì hơn phép niệm Phật, tôi đã từng nghiệm có một khi thâu hai ba ngày đêm không ngủ, cái tâm cứ thoi thóp nghĩ vướng nghĩ vướng mãi, càng

nghĩ lại càng bức hỏa không ngủ được. Nào mình có phải là nghĩ cân gì đâu, nghĩ tuổi mình đã già, có nghĩ chi đến những điều thanh sắc chơi bời nữa đâu, tinh-thần cô-vũ đã mỏi, có nghĩ chi đến những nổi công-danh bốn tâu nữa đâu, hay là nghĩ morg sao cho được nhà hàng đầy ruộng hàng rừng chẳng? không phải; Đương lúc bệnh trung, chỉ nghĩ vợ nghĩ vẫn rằng người ta sinh ra ở đời, đã có thân thì phải có khổ, không ai thoát khỏi được vòng sinh, lão bệnh, tử, cứ sinh ra rồi lại già yếu là lão, ốm đau là bệnh, rồi đến chết, thì còn thú nổi gì, người trong thế-gian không ai thoát khỏi được cái vòng nghĩa kiếp sinh tử luân-hồi kia. Nghĩ quanh quẩn mãi thêm bức mình. Thôi thì ta :

Kiếp sau xin chớ làm người.

Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.

Làm cây thông đứng giữa trời mà reo, thì chả sướng lắm ư, chẳng được tự-do lắm ư, song lại nghĩ vợ vẫn : cây thông kia tuy có cây sống được trăm năm, vài trăm năm, nhưng cây thông kia còn mang lấy cái thân, còn có dầu có nhựa, một ngày kia không biết chừng, cũng có ngày bị búa rìu nó băm nó bở, thì cũng chẳng sướng gì ! Thế thì người ta đã có cái thân tinh sao cho khỏi vòng khổ nào kia được. Lại nghĩ vợ vẫn bức mình thôi thì ta :

Kiếp sau xin chớ làm người,

Làm con vịt nước bơi sông Ngân-hà.

(Bà Nữ oa kia xưa luyện đá vá giới).

Ta lìm hòn đá Nữ-oa,

Chỗ nào long lở ta ra ngoài giới.

Ta ù-chi-cạc ta chơi,

Thú ta ta biết việc giới giới lo.

Nếu ta mà hóa được ra làm con vịt nước lọt được ra ngoài giới, thì tha hồ mà vùng vẫy mà thỏa thích ở



ngoài vòng giới, thì sướng biết chừng nào. Nhưng chẳng qua cũng là cái tư tưởng chán đời hão huyền đấy mà thôi, nghĩ vơ nghĩ vẩn mãi, thành ra trong tâm hồi hộp, bấp bồng, không tài nào ngủ được ; nghĩ vượt mãi ra ngoài vòng giới, thành ra « **Tư-tưởng lan man trời đất hẹp** ». Thâu đêm không tài nào ngủ được, thành ra « **Mộng hồn vơ vẩn nước non xa** » sau nghe người ta bảo rằng, không ngủ được thì cứ nằm yên mà đếm thời sẽ ngủ được. Nhưng đếm mãi cũng chẳng ngủ ; sự nhớ đến phép niệm Phật Nhưng tôi có nhớ được nhiều danh-hiệu chữ Phật đâu mà niệm, chỉ nhớ được câu « **Nam mô A-di-đà Phật** » trước còn niệm to, sau dần dần niệm se se, rồi ngủ đi lúc nào không biết. Xem thế thì niệm Phật cốt để thu lấy cái phóng tâm lại, mà dẹp bỏ những điều vọng-niệm đi. Không có bền-chờn tư-tưởng quàng xiên, cốt định lấy cái tâm vào đường chính để mà tu-tĩnh cho đến cõi chơn-đẳng chơn giác đó mà thôi.

Khi ấy có các bạn giáo hữu đến rủ tôi đi khấn-thành các hội Phật-giáo, tôi cáo-từ không đi, rồi chợp ngủ đi, sự linh giậy, tôi có đọc mấy câu rằng :

Người đi hội Phật ta không đi,

Ta nằm niệm Phật ta ngủ ý.

Ngủ được yên giấc thế mà thích,

Tinh-thần khỏe khoắn chẳng can chi.

Mới hay Phật ở tâm tá đó,

Cốt giữ lấy tâm cho gan lỵ.

Tâm niệm kỹ cho trông thấy Phật,

Đừng thấy vật khác mà thiên đi.

Bao giờ lời cõi tự nhiên đó,

Ta sự thực giậy ta cười khi !

Ấy đây tâm tức Phật là thế đấy !

**Nam-mô A di-đà Phật**

## GIÁO-LÝ ĐẠO PHẬT CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHONG TỤC CHỖN HƯƠNG THÔN

Sửa nay trong chốn hương thôn, hầu hết phong tục có nhiều điều phiền phức, lệ ngặt lắm sự bó buộc mà nhất là việc biếu thì lại có nhiều sự bó buộc lắm.

Trước kia tuy quan trên đã thi hành nghị định cải lương để tỉnh giảm sự ăn uống sa phí, nhưng xem ra các làng phần nhiều chỉ hư ứng, trong sổ sách tuy không có nhưng kỳ thực ở trong dân lệ nào vẫn lệ ấy chưa mấy nơi đã thực hành.

Theo chúng tôi biết thì có một làng kia mới theo về tôn chỉ đạo Phật độ một năm nay, đã tự nhiên cảm hóa bỏ hẳn ngay được hủ tục ấy.

Làng ấy là làng Đột-lĩnh, thuộc tổng Cao đối, phủ Nam-sách (Haidương).

Làng Đột lĩnh này tuy không to, nhưng cũng không phải là nhỏ, trước kia thường cũng như trăm nghìn làng khác, khi những nhà có cha già mẹ héo bất luận rằng nhà nghèo hay giàu cũng phải chiều theo hương tục mà lo liệu ma chay, chẳng những lo đồ khâm liệm tống táng mà xong đâu, cần nhất phải có đủ rượu chè gạo thịt để tế tự ăn uống cho xong xuôi cầu giã nợ miêng thì mới là hiếu thảo, như thế người giàu có chẳng quản chi, nhưng người nghèo khó thì thực bó buộc gian nan dù không có cũng phải đi vay mượn, cầm ruộng cố nhà để lấy tiền mà lo liệu cho xong, thực là một người chết thật bao người chết giả, ai ai cũng biết mà không sao trừ bỏ được.

Nhưng tự năm 1937 làng ấy có mấy người theo hội Phật giáo Chí linh (làng này tuy thuộc phủ Nam sách nhưng đường đi cách xa không tiện, mà sang chí linh chỉ cách có con sông Kinh thầy) Vì có mấy vị hội viên ấy có lòng

số sống về đạo, có tâm thực hành về giáo lý, mới khuyến hóa mọi người trong họ ngoài làng dần dần vui lòng vào hội càng ngày càng đông kể số hội viên tuy cũng chưa đông được là bao nhưng kể lòng sống thì thực đã cảm hóa bội phần vậy.

Như việc biếu là một việc rất phiền phức xưa nay, trước kia chỉ vì những sự ăn uống nhà giàu tốn đến hàng mấy trăm không hạn, nhà nghèo cũng phải dăm bảy chục mấy song, thế mà trong khoảng một năm nay, nhờ có giáo hóa đạo Phật, các đạo hữu lưu tâm tích giảm bỏ hết những tục lệ ăn uống phiền phức ấy.

Bây giờ trong các giáo hữu, bất hạnh có cha già mẹ béo, dù dẫu dù nghèo mặt ý, chỉ cốt chu liệu các đồ khâm liệm chu tất, còn ngoại giả không có sát sinh ăn uống, mời rượu rượu chè gì cả Trước khi tống táng thì các đạo hữu trong làng trích tiền công sửa một lễ chay như hoa quả đem đến làm lễ phúng và làm lễ tụng niệm cho vong linh Còn việc tống táng thì tùy theo nhiều ít trong đạo hữu phải cắt cho đủ, cứ nghe hiệu lệnh mà đến, người trên người dưới tùy liệu công việc ứng dụng cho song xuôi, không hề suy tị. Khi an táng xong, rượu linh hồn về nhà, các đạo hữu tế một tuần dùng trai nghi. Rồi nhà nào về nhà ấy. Nói tóm lại, từ khi bắt đầu đến khi song việc, nhà biếu chủ chỉ có dầu nước mà thôi, chứ không có sát sinh rượu chè ăn uống gì cả.

Chẳng những thế lại còn một sự đáng quý hơn nữa là ngõ nhà nào nghèo túng quá, thì đạo hữu trích tiền công sắm sửa quan vào khâm liệm cho đủ và cũng có lễ nghi phúng viếng đưa đón như nhau không hề có phân biệt.

Không những việc biếu, mà thôi, đến như việc tế tự kỳ nạp phần nhiều chỉ dùng trai nghi và tụng niệm mà thôi.

Còn như việc đạo thì các đạo hữu đều cùng vui lòng sốt sắng đã luyện tập được một Báu đồng ấu và quyền tiên các đạo hữu trong làng lập 1 ban cổ nhạc có đủ trống ngũ lôi cùng kèn đồng) đến tập điệu dâng khi làm lễ hoặc biểu bửu đều tiện lợi vui vẻ.

Các công việc ấy đó tuy chưa giám chắc là thập phần hoàn hảo, nhưng thiết tưởng cũng là một bằng chứng hiệu quả tốt tươi, nhờ ảnh hưởng của giáo lý đạo Phật mà cảm đến phong tục hương thôn. Nếu nhiều các làng đều theo giáo lý thực hành chủ nghĩa hết thầy như thế ngõ hầu chẳng bao lâu cũng có cơ phong phú, có vẻ văn minh. Vì giảm sự ăn uống sa phí thì trước giữ được phần tiết kiệm, sau chánh khỏi sự giận giữ tranh dành, chớ hể ra thịnh vượng lắm ư ?

Hà-quang-Còn và Bùi-văn-Thiện

## PHẬT - HỌC VẤN - ĐÁP

(tiếp theo)

Hỏi : thế nào là thế gian và xuất thế-gian ? Cách tu thế gian thế nào ? Và cách tu xuất-thế gian thế nào ? - Thế gian là một tiểu-vũ-trụ mỗi tiểu-vũ-trụ lại chia ra làm nhiều thế-giới, như thống-hệ của Sa-bà-thế giới chúng ta đây, chia làm ba giới : dục-giới (欲界), sắc-giới (色界) và vô sắc-giới (無色界).

Dục-giới là cõi có tình-dục, cả tầng trời dưới nhất có các vị Thiên-vương (天王) cai quản- cũng thuộc về dục-giới.

Sắc-giới là cõi trời không có tình dục nhưng còn có sắc, thân thể nhẹ nhàng, không có nhục-thể (肉體) như dục-giới.

Vô-sắc-giới là cõi trời không còn có sắc nữa, thân thể chí loạn bằng tinh-thần mà thôi.

Ba giới ấy cũng gọi là ba giới, trung giới và thượng giới.

Trong ba giới lại chia làm sáu đạo (六道) là: Thiên-đạo (天道), A-tu-la-đạo (阿修羅道), nhân-đạo (人道), ngã-qui-đạo (餓鬼道), súc-sinh-đạo (畜生道) và địa-ngục-đạo (地獄道).

Thiên-đạo là cõi trời, gồm có 33 thiên-cung, các đấng Phạm-vương, Đế-thích, Thần-tiên ở cõi ấy.

A-tu-la-đạo, là cõi gần trời, cũng tựa như hung-thần.

Nhân-đạo là cõi người.

Ngã-qui-đạo là ma đói ma khát.

Súc-sinh-đạo là súc vật. Địa-ngục-đạo là những nơi tối tăm khổ cực, nóng quá gọi là Nhiệt-ngục, rét quá gọi là hàn-ngục, có Ma-vương và qui-sứ bành bành những người có tội.

Nếu còn ở trong vòng lục-đạo, thì dù được lên thiên-giới, thọ mạng hàng nghìn vạn năm, nhưng sau khi mãn kiếp, lại thay đổi kiếp khác, không khỏi luân hồi sinh tử, nếu phạm tội lỗi thì giáng xuống các đạo dưới; mà các đạo dưới tu hành làm lành thì lại được thăng lên những đạo trên. Nếu tu hành chứng-quả, đức hạnh và trí tuệ đều đầy đủ, thì thành Phật, vào cõi Nát-bàn, là nơi ra ngoài vòng tam-giới, tức là xuất thế gian.

Cách tu thế-gian thì có Nhân-thừa (人乘) và thiên thừa (天乘).

Muốn tu Nhân-thừa, nghĩa là làm thiện nhân, quán-tử, kiếp sau lại làm người, nhưng được hưởng phúc báo, như tam-đa ngũ-phúc v. v. thì phải trì ngũ giới (五戒).

1.) Giới sát (戒殺) là không được sát hại sinh mạng người và các loài vật, rẫu con sâu con kiến cũng phải thương xót.

2.) Giới đạo (戒盜) là không được trộm cắp và tham lam những của phi nghĩa.

3.) Giới vọng ngữ (戒妄語) là không được nói dối, nói giỡn, nói ác, nói điều.

4.) Giới tà dâm (戒邪淫) là không được gian dâm với những người không phải là vợ chồng.

Giữ được năm điều răn ấy thì được hưởng phúc về nhân đạo.

Trong kinh có câu rằng : « Nhân thân dễ thất, Phật đạo khó thành », nghĩa là cái thân người dễ mất, mà đạo Phật khó thành. Đã được làm thân người, tự bậc dưới mà lên, tu hành nhiều kiếp, kiếp này làm thân người, kiếp sau lại được làm thân người, cũng đã khó lắm rồi, nếu làm lạc làm ác, thì kiếp sau phải đày đọa xuống các bậc dưới mà không được làm thân người nữa. Đã được làm thân người mà không biết học đạo, không được chứng quả gì, thì có khác nào như người vào kho châu báu, lại tay trắng về không !

Phàm là người có phúc, có duyên có phận, được may mắn phát đạt hơn người, điều là hưởng cái phúc báo về sự trì giới kiếp trước, chứ không phải là sự tình cờ. Dù được hưởng phúc báo về nhân đạo là cái bậc thang lên các bậc trên, cho dù đạo Phật khó thành, nhưng có chí thì nên, đã chăm chỉ thì thiên hạ không có việc gì là khó cả.

Muốn tu Thiên đạo, để kiếp sau được lên 33 thiên cung tạo mạch tràng cửu, vui vẻ suông sướng, không có những sự phiền-não như nhân giới, thì phải tu Thập thiện (十善) Thập-thiện là 10 điều lành, tức là tránh 10 điều ác sau này :

3 nghiệp thuộc về thân là sát sinh, tham dục và tà dâm.

4 nghiệp thuộc về khẩu (niệm) là : nói dối, nói can, nói ác, nói điều.

3 nghiệp thuộc về ý là : tham lam, giận dữ và ngu muội, tham, sân, si, cũng gọi là tam độc (三毒).

Được lên thiên giới là nơi khai hậu lúc nào cũng mát mẻ như mùa xuân, hoa cỏ như gấm vóc, chim chóc như đàn sáo, nhà cửa đường xá, đều là châu báu, đồ ăn thức mặc, muốn gì có ấy, không phải ăn làm lao lực, và không có những sự khổ sở như nhân giới. Cũng vì Thiên giới đăm vui, không nghĩ đến sự tu đạo, cho nên chúng quả, nhiều khi lại không mau bằng nhân giới, nên nhân giới mà đắc đạo thì xuất thế gian ngay chứ không phải lần lượt sinh thiên nữa.

Cách tu xuất thế gian, vào nơi Phật quốc (Nát bàn) thì phải tu Bồ tát hạnh (菩薩行) tức là phép tu lục độ (六度) : Độ là cái bỏ, ý nghĩa là cứu vớt chúng sinh.

1) Bồ thí 布施. — Phần nhiều người có tính vị kỷ, sinh lòng tham lận, chỉ vụ tự tư tự lợi, dễ tổn hại người khác cho nên phải lấy phép bố thí khuyến hóa những kẻ tham dục biển lận, đem những tính mạnh, tài lực, hoàn toàn hi-sinh ích lợi quần-chúng. Phép này là bước đầu tiên làm cho chúng sinh giác-ngộ, sau khi giác ngộ, trong lòng bằng phẳng yên vui. Ấy là phương pháp bố thí độ cho những kẻ tham lam.

2) Trì giới (持戒). — Những đều ác nghiệt, ngăn cấm không làm, đã làm thì phải theo lẽ phải, thế là trì giới, đem phép ấy mà khuyến hóa chúng sinh : tránh ác theo lành. Ấy là phương pháp trì giới độ những kẻ phạm luật.

3) Nhẫn nhục (忍辱). — Những người tầm thường râu có lòng lành, nhưng gặp những việc xung đột vô lý, sinh ra nóng nảy giận dữ, dễ phản kháng lại, nhiều khi tổn hại, gặp những người ấy phải khuyến hóa cố giữ từ bi, không nên đối phó. Ấy là phương pháp nhẫn nhục độ kẻ giận dữ.

4) Tinh tiến (精進). — Việc thiện cố làm không thôi, phạm việc lấy lợi ích chúng sinh làm mục-dịch, như 3 nết lỗi trên, phần nhiều người có trước không sau, sinh lòng biếng

nhác, không được đầy đủ, gặp những người ấy thì khuyến hóa bèn trí, giữ những nét trên, gặp những sự khó khăn, cũng không nản chí. đề cầu cứu cánh giác ngộ Ấy là phương pháp tinh tiến độ kể biếng nhác.

5.) Thiền-định 禪定 - Chúng sinh thường bị hoàn cảnh nhiều loạn cho nên cái trí tuệ sáng láng, không được khắp. Vì vậy khuyến hóa chúng sinh phải làm thế nào cho cái tâm có sức tự chủ, muốn thế thì phải thuyên định, nghĩa là ngồi yên một nơi vắng vẻ, đem cả tâm lực, chú trọng vào một nơi, như trú trọng vào tượng đức Phật nào v. v., để trong tâm ung dung hòa bình, mà trí tuệ phát sinh hòa bình sáng láng. Ấy là phương pháp Thiền định độ kể tán loạn

6.) Trí-tuệ 智慧.— Ngu si là những người không hiểu không biết, rầu hơi có kiến thức, cũng chẳng được là bao, phần nhiều những việc thông thường, mà cũng chẳng rõ hưởng chi là vũ trụ vạn vật. Gặp những người ấy, khuyến tu trí tuệ, nghĩa là lấy ngũ độ trên làm cơ sở, tu luyện mãi cho đến khi trong tâm đã tĩnh định thì cái lực lượng tinh thần trong tâm đã khá phát đạt, rồi căn cứ những lời Phật nói, mà khảo cứu chân lý của mọi sự mọi vật, lâu mãi tự nhiên giác ngộ. Ấy là phương pháp trí tuệ độ kể ngu si.

Tu hành lục độ, công đức khá to, chúng quả Bồ-tát, và công đức đầy đủ thì chúng quả thành Phật. tức là xuất thế gian.

Nói tóm lại : cách tu thế gian là cái bực thang xuất thế gian, mà xuất thế gian là cái cực điểm của thế gian vậy, xem như lục độ trên này thì tế độ thế gian, công đức đầy đủ, mới xuất thế gian được. Đến bậc Bồ-tát đã xuất nhập nát-hàn, nghĩa là có khi tại thế gian, có khi xuất thế gian, mà còn giảng sinh nhiều kiếp : tế độ càng nhiều công đức càng to, cho đến viên mãn (圓滿), thì mới thành Phật, thường trụ tại nơi xuất thế gian vậy.

Phượng-sơn : Nguyễn-thiện-Chính



## BÀN THÊM VỀ SỰ ĐỐT MÃ

Xem trong các tôn-giáo không thấy tôn - giáo nào dạy về việc đốt mã. Không những không thấy dạy việc đó mà lại còn cấm nữa. Như trong kinh Dược-sư có câu : « Siêu tiền hóa mã, sát lục chúng-sinh, tế tự quý thân » đáng tởm tội nghiệp, phần tởm thọ hi » nghĩa là đốt vàng mã, cúng giết sinh vật để tế lễ quý thân chẳng qua chỉ thêm tội và tởm thọ mà thôi. Trong đạo Nho đức Khổng-tử khen ông Võ-Vương có hiếu vì ngày giỗ có bày những áo xiêm của tổ tiên để tỏ lòng tiếc nhớ, chứ không phải là bày quần áo giấy. Vậy cái tục đốt vàng mã bởi đâu mà sinh ra ? Chẳng qua là bởi sự tưởng nhớ đến tổ tiên ông bà cha mẹ mà bày đặt ra để tỏ lòng hiếu đễ, sau suy ra mà đặt ra mũ mã để cúng tế quý thân.

Nhưng ta nên nhận ra rằng tấm lòng hiếu đễ như vậy là tự lúc nhân-loại mới phôi thai, còn thuộc về thời kỳ ấu trĩ. Ngày nay nhân-loại đã trưởng-thành, thời tấm lòng hiếu đễ nên phát hiện có chút suy xét mới được. Thí dụ một đứa trẻ mới mất mẹ. Nó tưởng nhớ đến nỗi có đồng bánh nó cũng để phần cho mẹ nó. Nó tưởng như mẹ nó đi vắng vậy. Nhưng đối với người nhớn thời phải nghĩ rằng : cha mẹ già thời chết, sự đó là cái công lệ của nhất định, không ai tránh khỏi được. Nay cha mẹ mất rồi, thời ta đau xót, thương tiếc, nhưng ta vẫn phải gắng gỏi làm ăn để theo chân nối gót ngài. Ta phải giữ gìn phần mộ, trông coi nơi từ đường hương hỏa, ngày giỗ tết phải có lòng tưởng nhớ đến ngài. Ta lại phải nuôi dạy con cháu để nối dõi về sau. Như vậy mới đủ cái nghĩa « Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn ». Nếu chỉ biết ma chay cho to, giỗ tết cho lớn, vàng mã cho hậu thời thật là tốn kém vô ích mà tấm lòng hiếu đễ biểu diễn một cách rất thô thiển, rất trẻ con, đáng buồn cười. Tục đốt mã lại có hại cho nền kinh tế trong nước.

Một năm đốt đi bao nhiêu là giấy, tiền tốn hàng vạn. Bao nhiêu công trình vất đi. Giá đem tiền ấy dùng vào

việc hữu ích, những công trình ấy dùng vào công nghệ thời lợi biết bao, cho nên nhiều nơi Chính-phủ phải can thiệp đến, hạ lệnh cấm đổi vàng mã ; như ở Thái bình có lệnh cấm nên tục ấy cũng tỉnh giảm đi nhiều. Có một lần một nhà hàng mã đổi mã cho chông. Khi sinh thời ông chông dùng đồ vật gì là khi đổi mã làm đủ hết: nào xe cao xu, giường hờn-kông, màn lan tiêu, đồ chén mầu, chõ ăn, chõ ngồi đủ hết không sót một thứ gì. Mà làm giống như hộp, làm hàng tháng mới xong lên kê bạc nghìn. Rồi trong mấy hôm đốt đi, các người tưởng công trình ấy, sự phí phạm ấy có đáng tiêu không? Được ích gì?

Còn về việc thờ cúng tổ tiên, Phật, Thánh, ta phải tìm đến cái nghĩa chân chính, nghĩa nhất định mới được. Ta thờ tổ là để tỏ lòng nhớ ơn ngài đã khó lòng gây dựng lên cơ nghiệp nhà ta. Ta thờ thần là để kỷ nghiệp các đấng trung hầu nghĩa sĩ đã có công với nhà với nước. Ta thờ Phật Thánh là để nhớ đến bậc Thánh-nhân, dẫn đường chỉ lối cho cả nhân-loại đi vào con đường nhân nghĩa đạo đức. Vậy thờ phụng cốt phải có tấm lòng thành kính vì người ta thường nói « hữu thành tất hữu thần » cũng là hương hoa tinh khiết là đủ. Còn ngoài đó ta nên chừa bỏ đi hết mà nên bỏ một cách quả quyết không phải phân vân gì hết. Như vậy cũng là một cái nghị lực rất lớn của dân tộc ta để bước lên con đường văn minh tiến bộ vậy mà ai ai cũng nên lấy làm mỗi mỗi phải.

Nam mô A-di-đà Phật

Vũ - tự - Tiệp

Quyền chánh đại-biểu hội

Phật-giáo Ninh-bình

## GIẢNG KINH THẬP - THIÊN

(tiếp theo)

« Long vương, ông nên biết! Bồ tát có một phép có thể trừ sạch sự khổ trong hết thảy các ngã ác. Một phép ấy là phép gì? Nghĩa là ngày đêm thường thường nghĩ ngợi, xem xét phép lành, khiến cho các phép lành này nở luôn luôn không cho những sự không lành sen lẫn một mảy may nào, tức thì làm cho mọi điều ác phải diệt hẳn, phép lành viên mãn thường được thân gần chư Phật bồ tát và các thánh chúng ».

### 2. GIẢI THÍCH RÕ CÁC TÊN PHÉP LÀNH

言 善 法 者， 謂 人 天 身。  
Ngôn thiện pháp giả, vị nhân thiên thân,  
nói lành phép ấy, bảo người trời mình,  
nói phép lành ấy, nghĩa là cái thân người trời,  
聲 聞 菩 提， 獨 覺 菩 提  
thanh văn bồ đề độc giác bồ đề  
tiếng nghe bồ đề một biết bồ đề  
thân thanh văn, thân độc giác,  
無 上 菩 提， 皆 依 此 法  
vô thượng bồ đề giai y thủ pháp  
không trên bồ đề điều nương ấy phép  
thân vô thượng bồ đề điều nương phép ấy  
以 爲 根 本， 而 得 成 就，  
dĩ vi căn bản nhi đắc thành tựu,  
lấy làm rễ gốc, mà được nên tới,  
lấy làm cội rễ, mà được nên tới,  
故 名 善 法。  
cố danh thiện pháp.  
cho nên tên lành phép.  
cho nên gọi là phép lành.

« Phép lành, nghĩa là được làm thân người, thân trời, được chứng quả thanh văn, quả độc giác, quả vô thượng bồ đề đều nương phép ấy làm căn bản mà được thành tựu, cho nên gọi là phép lành ».

### 3. KÈ RÕ HÌNH TƯỢNG PHÉP LÀNH

此 法 卽 是 十 善 業 道,  
 Thử pháp tức thị thập thiện nghiệp đạo,  
 ấy phép bèn là mười lành nghiệp đường,  
 phép ấy tức là mười đạo nghiệp lành,  
 何 等 爲 十 ? 謂 能 永 離  
 hà đẳng vi thập vị năng vĩnh ly  
 gì những là mười ? bảo hay giải lìa  
 những gì là mười ? nghĩa là hay lìa hẳn  
 殺 生 偷 盜, 邪 行, 妄 語,  
 sát sinh thâu đạo, tà hành, vọng ngữ,  
 giết sống trộm cắp, cong làm sáng nói,  
 sát sinh, trộm cướp, làm bậy, nói sáng,  
 兩 舌, 惡 口, 綺 語, 貪 欲.  
 lưỡng thiệt, ác khẩu, mỹ ngữ, tham dục,  
 hai lưỡi, ác miệng, thiếu-dệt nói, tham muốn,  
 hai lưỡi, nói ác, nói thêu dệt, tham muốn,  
 嗔 恚, 邪 見.  
 sân khuê, tà kiến.  
 dận tức, cong thấy.  
 cẩu dận, thấy lằm.

« Phép ấy tức là mười nghiệp thiện, những gì là mười? nghĩa là chữ hẳn được mười điều : sát sinh, trộm cướp, làm bậy, nói sáng, hai lưỡi, ác khẩu, nói thêu dệt, tham dục, cẩu dận, tà kiến ».

Cái phép lành căn bản của thế gian và xuất thế gian tức là mười nghiệp thiện. Bởi con đường mười nghiệp thiện sáng sủa ấy mà được đến cái chỗ sung sướng trong thế gian và ngoài thế gian, là cái đạo ở gần ngay bên mình, bất tất phải cầu đâu xa. Từ sát sinh đến tà kiến gọi là mười nghiệp ác, còn mười điều thiện thì hoàn toàn ở hai chữ «chừa hẳn» Cái công phu hai chữ chừa hẳn ấy, cũng không phải là dễ. Nếu chừa được điều sát sinh trong nhất thời, mà sau đó lại vẫn làm sự sát hại! hoặc đời này không sát sinh, đến kiếp sau có khi lại sát sinh, như thế đều chưa thể gọi là chừa hẳn được. Tất phải sao cho kiếp kiếp đời đời, cho đến cùng kiếp vị lai, không bao giờ sát sinh nữa, thế mới là chừa hẳn. Cái công quả đó, tu cho chứng đến ngôi a-la-hán mới được. Sát sinh nghĩa là làm cho mất tính mạng của một loài có sống chết tri giác, nhưng giết dù chưa chết, cũng phạm vào nghiệp sát, chỉ khác một chút chưa giết chết hẳn thôi. Giới sát, không những chỉ kiêng không sát sinh mà thôi đâu, lại còn cần phải chú ý giữ gìn cho các giống có tinh tình nữa mới giữ nổi những điều giết lầm các loài nhỏ bé như con muỗi con nhặng. mười nghiệp ác này, về phần trong tâm, ngoài cảnh với thời gian đều chia làm ba phần trên, giữa, dưới. Nay hãy nói riêng về cái nghiệp sát sinh. Mới động trong tâm chia làm ba hạng: 1 Có lòng tức giận, biết mà cố ý giết cho đến chết là nặng nhất. 2 Nếu vì lòng tức giận nổi lên mà tâm không biết rõ. hoặc tâm biết rõ mà không tức giận là tội vừa; 3 Nếu không biết mà lầm giết chết thì tội nhẹ. Đối với cảnh ngoài, cũng chia ra ba hạng nặng nhẹ khác nhau: 1 Nếu đâm Phật chảy máu, giết vị a-la-hán, giết cha giết mẹ giết người có ơn với mình. tội rất nặng; 2 Nếu giết kẻ cùng loài với mình thì tội vừa; 3 nếu giết lũ chúng sinh kém hèn thì tội nhẹ. Đối với thời gian, cũng có ba hạng khác nhau: 1 Nếu lúc chưa giết, đã có ý thích giết, lúc giết được lấy là vui thích không hối thì tội rất nặng. 2 Nếu trước lúc chưa giết không có ý định giết, hoặc giết rồi mà biết hối thì tội vừa. 3 Nếu không có lòng gì cả mà lầm giết chết

giết rồi hồi ngay thì tội rất nhẹ. Định chứa cái nghiệp sát sinh, cũng cần phải y theo ba hạng ấy mà lần lượt tu tập, trước hãy tập chứa cái nghiệp giữ nhất, khiến cho thân không tự sát rồi tiến lên tu phép thuyên định, khiến cho cái lòng tàn sát cũng sạch hẳn đi, nếu còn chưa sạch, thì tu phần trí tuệ mà đoạn hẳn đi. Song đoạn được cái tính tập quen sát hại từ vô thủy thiệt là khó lắm, phải tu chứng tới quả Phật, mới thực thanh tịnh viên mãn. Khi xưa Phật cùng Xá-lợi Phất cùng đến xem một con chim bồ câu, con chim bồ câu thấy Phật thì không sợ hãi gì cả, thấy ông Xá-lợi Phất thì hãy còn ngờ ngác toan bay. Ông Xá-lợi Phất hỏi Phật vì cớ gì? Phật nói: Người mới chứng a-la-hán, tuy không có lòng sát hại, mà cái tính tập quen tàn sát từ vô thủy vẫn chưa sạch hết, cho nên nó còn sợ, đủ biết cái tập quen khó trừ đến như thế.

Thứ hai trộm cướp: Chứa các thói ác trộm cướp cũng phải chia ra ba hạng nặng nhẹ như điều sát sinh kia, cho chí tám điều dưới cũng phải lấy đó làm mẫu mà suy mà phân đoán nặng nhẹ, trong kinh Âm-phủ (đạo Lão) nói rằng: «ừ đời có kẻ cầu danh tiếng thiện mà làm thiện, tức là kẻ có tài ăn trộm sự thiện» đủ biết người ta mưu sự sinh hoạt, chưa để chứa sạch cái nghiệp ăn chộm được, mà cái nghiệp ăn trộm nhỏ bé kia lại càng khó trừ lắm, Trộm tức là dùng mưu khôn khéo mà lấy, cướp tức là lấy sức mạnh mà lấy hiếp.

Thứ ba làm bậy: Làm bậy tức là chỉ vào sự dâm dục. Theo về cái nghĩa thế gian thì vợ chồng có làm phép cưới là chính, ngoài ra mà phạm tức là tà dâm, đó là nói về phần thô thiển, nếu nói về phần sâu sa, thì hết thầy chúng sinh, phải nhay nhua ở trong tam giới đều là vì sự dâm dục cả. Phạm những sự phóng-tâm mãi miết với sắc đẹp tiếng hay, tiền tài, cho chí ăn thì cầu những chân tu mĩ vị, ngủ thì cầu cho êm ả thê mê, đều là làm bậy cả, muốn ra khỏi cõi tình-dục này phải hàng phục những tính ấy đi cho đến chứng được La-hán rồi mới sạch hết lòng dục được (ba nghiệp đã kể đó là thuộc về cái nghiệp của thân). (còn nữa)

## TÂY - VỰC KỶ

(tiếp theo)

Pháp-sư đến lần nơi ra mắt. Khả-hồn vui vẻ nói rằng : « Mời Pháp-sư hãy tạm vào trong thành nghỉ, vài ba ngày nữa tôi sẽ về ». Nói rồi sai một vị quan đưa Pháp-sư về nghỉ ở công quán.

Sau 3 hôm nữa, Khả-hồn mới về, cho mời Pháp-sư vào. Khả-hồn ngồi ở dưới một cái trướng lớn. Trướng thêu bằng kim tuyến, coi lóa cả mắt. Các quan ngồi hầu hai giầy, người nào cũng áo gấm rực rỡ, còn các thị vệ thì đứng hầu cả đằng sau. Tuy là vua một xứ mọi, cũng có vẻ lớn qui lắm. Pháp-sư đi đến cách trướng chừng 30 bước, Khả-hồn đứng giầy, thân chính ra đón, mời vào trong chuồng. Rợ Đột-quyết thờ lửa không ngồi giường ghế. Vì trong gỗ có chất lửa, cho nên kinh không dám ngồi, chỉ giải đệm giầy ở trên mặt đất mà ngồi thôi. Lúc đó kê riêng một cái giường sắt giải đệm mời Pháp-sư ngồi.

Một lát lại dẫn sứ giả nước Cao xương đem quốc thư và đồ lễ tặng vào. Khả-hồn cầm xem, có ý vui mừng lắm, cho phép sứ giả ngồi, rồi sai bày tiệc hòa nhạc. Khả-hồn cùng quần thần và sứ giả uống và ép riêng nước bồ đào dâng Pháp-sư. Chén tạc chén thù, tiếng kèn tiếng náo, tuy là khúc nhạc hồ, nhưng nghe cũng rất vui tai thích ý. Giầy lát quan hầu tiến đồ ăn lên, thì thuần là dè non bươu béo, la liệt đầy mâm, và làm riêng cỗ chay có đủ bánh sữa, mỡ sữa, đường phèn, bồ đào dè cứng dâng Pháp sư. Ăn xong lại dâng nước nho uống. Tiệc xong mời Pháp sư thuyết pháp.

Pháp sư liền đem 10 điều thiện và 6 phép ba la mật ra dâng cho nghe và khuyên không nên sát hại sinh linh, chằm tu những phép giải thoát. Nghe rồi đều rờ tay khấu đầu vui vẻ tin theo.

Nhân lưu Pháp sư lại và nói rằng : « Pháp sư không nên sang nước Ấn độ ấy làm gì, vì ở xứ ấy nóng lắm,

tháng mười bên ấy, cũng như tháng năm bên này Tôi coi như dong mao Pháp sư sang đây chỉ sợ nó tiêu tan đi mất thôi, vì người bên ấy đen đủi mà chả có lễ phép gì cả ». Pháp sư nói : « Bần đạo sang đây, chỉ cốt tìm tòi Thánh tích, thăm cầu chính pháp mà thôi ».

Khả-hồn mới trọn các bực thiếu niên biết chữ Hán và chữ các nước, viết mấy phong quốc thư và sai Ma-dát đưa Pháp sư đến nước Ca tất thí. Lại tặng một bộ pháp phục bằng vóc và tấm lụa, cùng quần thần tiễn xa hơn 10 dặm mới trở về.

Từ đó đi về phía Tây, hơn 40 dặm đến xứ Bình duật, địa thế rộng chừng vài ba trăm dặm, ao chuôm rất nhiều lại lắm cây la, um tùm mát mẻ, hằng năm đến mùa nóng thì Khả hồn vẫn ra đây tránh nắng.

Đi qua Bình duật chừng 50 dặm, đến thành Đát la tư Bệ về Tây nam độ 20 dặm, đến thành Bạch thủy. Lại đi về phía Tây nam, chừng 200 dặm, đến thành Cung ngư. Lại đi về phía nam 50 dặm nữa đến nước Nổ xích kiến; Lại đi về phía Tây 200 dặm nữa đến nước Giải thời nước ấy phía tây giáp sông diệp diệp. Lại đi về phía Tây hơn 100 dặm nữa đến nước Túy đồ lợi sắt nê, nước ấy phía Đông giáp sông Dệp diệp. Sông ấy phát nguyên từ núi Thông liob, rồi chảy sang phía Tây bắc.

Từ đó, đi về phía Tây bắc, lại đến một cái bãi cát lớn không có cỏ nước gì cả, chỉ nom những sương người chết rũ mà nhận lối đi.

Qua hơn 500 dặm, đến nước Táp-mạt-kiến. Vua và bách tính đều không tin phép Phật, chuyên thờ thần lửa, có hai cái chùa, nhưng tịnh không có sư ở. Có sư xa lạ đến thì dân mọi đốt lửa đuổi ra không cho chú trụ.

Pháp-sư mới đến, vua còn coi thường, qua một đêm tiếp truyện, Pháp-sư thuyết cho nghe cái nhân quả nhân thiên và công đức tán Phật cùng phúc lợi cung kính, vua vui mừng lắm, xin thụ chai giới, tiếp đãi rất ân cần.



Hai chú tiều theo hầu Pháp-sư ra chùa lễ Phật, bị dân mọi dùng lửa đốt liền chạy về báo, vua truyền bắt kẻ đốt lửa, đem ra chỗ công chúng làm tội chặt tay. Pháp-sư đang muốn khuyến thiện, không nỡ để cho kẻ ác hủy hoại thân thể, mới cứu cho, vua sai đem đánh đòn đau rồi đuổi ra ngoài thành. Từ đó trên dưới sợ khiếp, đều xin quy Phật. Vua mới mở hội lớn, rước Pháp-sư ra độ tăng để giữ chùa và quy cho mọi người.

Biển cái lòng tà, mở mang kẻ tối, đến chỗ nào Pháp-sư cũng làm được như thế.

Từ đó đi về phía Tây hơn 30 dặm, đến nước Khuất-sương-nê-ca. Lại đi về phía Tây hơn 200 dặm, đến nước Hát-cán. Lại đi 400 dặm nữa, đến nước Bô hát. Lại đi hơn 100 dặm nữa, đến nước Phật-địa. Lại đi hơn 500 dặm nữa, đến nước Hóa lợi tập di già, nước ấy phía Đông áp sông Phộc số. Lại đi về phía Tây nam hơn 300 dặm, đến nước Yết-sương-na. Lại đi 200 dặm thì đến một dãy núi Đường núi sâu mà hiểm, chỉ đi lọt bầu bầu, lách không có cỏ nước gì cả. Đi đường núi chừng hơn 300 dặm, vào ngọn núi Thiết môn. Núi đứng dựng như bức vách, trên sườn núi nhiều mỏ sắt, lối vào làm 2 cánh cửa, đục sắt làm xuống treo dây trên cửa, vì thế nên gọi là Thiết môn phong, tức là cửa sắt của nước Đột quyết vậy.

Ra khỏi cửa Thiết môn, đến nước Đô hóa la. Đi độ 30 dặm nữa sang sông Phộc số, đến nước Hoạt, tức là một sự của con trưởng Diệp-hổ Khả bô là Đát độ thiết chân thủ ở đó. Vợ Đát độ thiết lại là em gái vua Cao-xương, trước đã tiếp tin vua Cao-xương có thư đến, vẫn ngóng chờ hoài.

Lúc Pháp-sư đến thì Công-chúa Khả hạ Đôn đã chết rồi, Đát-độ-thiết lại ốm. Thấy Pháp-sư đến cảm động vô cùng mới nói với Pháp-sư rằng: « Đệ tử được trông thấy Pháp-sư, thực là sung sướng lắm, xin Pháp-sư tạm lưu ít lâu, Đệ-tử khỏi bệnh, xin tiễn Pháp-sư sang nước Bà-la-môn ». Bấy giờ có một vị sư Ấn-độ đến, đọc

chủ chữa cho khỏi. Sau lại bị con vợ sau đồng mưu với đứa con vợ trước đánh thuốc độc chết. Con Công-chùa Cao xương còn nhỏ, bị con vợ trước là Đặc-lặc cướp ngôi. Vì việc tang ma, dinh trệ mất hơn một tháng.

Ở đây có một thầy sa môn, tên là Đạt-ma tăng gia, trước đã du học Ấn độ, từ núi Tông-linh trở về Tây, đều suy tôn là bậc nhất. Các nhà sư ở Sở-lặc Vu diên, không ai dám đàm luận cỡ. Pháp-sư muốn biết học thức nông hay sâu, mới cho người đến hỏi Đạt-ma rằng: « Đã hiểu được mấy bộ kinh, bộ luận ? » Các học trò nghe hỏi đều nổi giận. Đạt-ma cười nói: « Ta hiểu hết, tùy ý muốn hỏi gì thì hỏi ». Pháp-sư biết họ không học đại thừa, mới hỏi ngay xuống bộ Bà-sa trong Tiểu-thừa đều không hiểu đến nơi cả. Đạt-ma bái phục, các học trò đều hổ thẹn.

Từ đó gặp đầu cũng hoan hỉ đón rước, đến đầu cũng khen ngợi, tự chịu là mình không bằng.

Bấy giờ vua mới đã lên ngôi, Pháp sư vào từ xin đi về phía Nam sang nước Ba-la-môn. Vua nói: « Dưới quyền đệ tử cai trị có nước Phộc-hát, phía bắc áp sông Phộc-sô, tục gọi là Vương xá thành, rất nhiều thánh tích, xin Pháp-sư tạm đến chiêm lễ, rồi sau lấy ngựa đi về Nam cũng được » Lúc đó vừa may lại có 30 vị sư ở nước Phộc-hát nghe tin vua cũ chết vua mới lên ngôi, cùng lời thăm viếng Pháp sư ngộ ý với các sư. Các sư nói: « Ngài nên đi làm, ở đây có lối sang thẳng nước Ba-la-môn. Nếu lại trở lại đây, thật là đi quanh ». Pháp sư nghe, nói liền vào từ vua, lấy ngựa cùng các sư đi.

Đến nơi, nhìn xem thành quách vững bền, lầu các nguy nga, đồng áng bát ngát, thực là một nơi thắng địa. Có hàng 100 ngôi chùa, hơn 3000 sư, đều học theo Tiểu-thừa.

(còn nữa)

# LỊCH-SỬ CHÙA LƯƠNG

BÀI CỦA ÔNG NHÂN-VÂN-ĐÌNH TRẦN DUY-VÔN

diễn hôm 8 tháng 3 năm Đinh-sửu ở chùa Phúc-lâm

Thư các Ngài,

Niên-công nhân tạo mà chiếm đoạt được về thiên nhiên trái bao lửa binn dộng dập, mấy chận một mù, (1) mà cái phong cảnh trang nghiêm thanh tịnh tới nay vẫn còn rực rỡ, không chịu chầu ngấm vào trong vòng hơi khiếp. Đó há không phải là chùa Phúc lâm thuộc xã Quần Anh mà tục gọi chùa Lương đấy ư ?

Quần anh là một xã thanh danh văn-vật, đất rộng người nhiều, Cụ Nghè Ngô dương Đình đã trải cái thực tiễn đó mà tiêu biểu nên câu thơ kỷ niệm. Cụ lại vì sự mắt thấy tai nghe, mà hi ký cuộc đời tương lai cho Quần anh chúng tôi nữa. Câu rằng : « Cái văn vật thanh danh ấy, sau đây là đệ nhất châu trong Nam châu .... »

Thư các ngài : « xứ Nam Quần anh, xứ Thanh Bồng-hải », Quần anh chưa nói về tỉnh nào, song cứ xét ở câu ca dao đó, thì ai chẳng công nhận là một xã Bồng-hải thứ hai ở Nam định chữ gi ! Trước kia thuộc huyện Nam châu (Nam trực) rồi chia về Chân ninh (Trực ninh). Năm 1 88, tức năm Mậu tí thứ 3 hiệu Đồng khánh, thừa lệnh sức phân tích địa phận mặt nam hai huyện Giao-thủy và Chân ninh lập làm Hải hậu. Từ đó Quần anh trở mặt trên đồ bản mới là đồ bản Hải hậu, cho tới ngày nay.

Chùa Lương hướng chính nam, trông ra hồ, ở ngay tây địa đầu xã, và trên chợ Lương. Tương truyền khoảng năm thứ 3 Lê Hồng-thuật, tức năm 1511, xã Tương-đông có 4 họ Trần, Vũ, Hoàng, Phạm, là 4 cụ tổ chúng tôi sung chức Đình điền, theo cuộc nam tiến Annam mà khai thác ra Quần-anh. Nguyên ở Tương-đông thôn Lương nội

(1) Năm 1741, giặc Ngân-cà, và năm 1827 giặc Ba-vánh có phạm vào địa-giới Quần-anh.

có chợ Lương-nội, nên chỉ các ngài xuống bề lập xã mở chợ cũng quen tên mà gọi chợ Lương, chợ Lương nên chùa cũng chùa Lương.

Chùa ở đũa giải đất rất cao, sóng vòng bốn mặt, bờ sâu bát ngát, la liệt chung quanh, lại có ít giếng tròn và vuông. Cứ như con mắt nhà Phong-thủy phê bình, « Lương long tranh châu, là kiêu, đất đỏ. Phủ Thiên-tiên, đền Đông nhân ở phía đông, miếu Thành hoàng, đình Phong-Lạc ở phía tây.

Chỉ có một điều đáng lạ, bên tả chùa thì Văn đàn làm năm Cảnh hưng 46 (1785) và bên hữu thì Vũ-dân. Nước kia hội Phật giáo ta chưa chấn hưng. « Nho » với « Thích » vẫn đôi đũa, « xát » với « giới xát » vẫn trái ngược, thế mà Quần-anh liệt tở chúng tôi đây đã tự thâm ngộ được Giáo lý. mà tiếp cận, mà đồng hóa. biết rằng từ ân khác chỉ ngũ luân, luân mãn chúng sinh trước phải cứu khổ cứu nạn, mà việc dựng hình cũng là bất đắc dĩ cho thánh nhân. Như vậy, thế kỷ 18 về trước, Phật học ở dân gian hiện đã hưng-thịnh lắm rồi.

Chu vi chùa rộng rãi bằng phẳng, Cổng vài mươi nóc, lợp toàn ngói, làm lối bắt vần, trời mưa đi khắp không phải ướt. Chia làm 3 cung, Thượng, trung và hạ.

#### 1.) Thượng cung.

Tiền đường 3 gian, hai gian đầu đắp hai vị Hộ-pháp to lớn ngồi cỡi con sấu, vị cầm viên ngọc, và vị cầm thanh gươm, thường gọi là ông Thiệu-hữu ông Ác-hữu, xong cứ theo kinh Phật mà người Tàu đã dịch chữ Ấn-độ, thì có một nghĩa tinh-vi khác.

Chính lẫm 3 gian, công thờ 47 vị tượng, tượng đồng có, tượng gỗ có, tượng nạm có, ngõi có, đứng có.

Tả hữu bành lang mỗi chiếc 13 gian, thờ tượng đứng 8 vị Kim-cương là :

A) Thanh trì tại kim cương.

B) Tịch diệt thần kim cương.

- G) Hoàng luy cầu kim cương.
- D) Bạch luy thủy kim cương.
- Đ) Xích thanh hỏa kim cương.
- E) Định trừ tai kim cương.
- G) Tử hiền thần kim cương.
- H) Đại thần lực kim cương.

Và 4 vị Bồ-tát là :

- A) Kim cương Quyển bồ tát.
- B) Kim cương Sách bồ tát.
- C) Kim cương Ái bồ tát.
- D) Kim cương Ngữ bồ tát.

Hậu đường 5 gian, thờ ba vị Thánh-tổ, Long-thần và Thần hậu v.v.

## 2) Trung cung.

Tả hữu hành lang mỗi chiếc 3 gian, mỗi gian xây một bệ gạch, khi có việc, thiện tín hội họp ở đó.

Tiền đường 5 gian và chính tẩm, thờ các vị Tổ sư gọi là nhà Tổ, trong có treo trống đồng, chuông đồng.

## 3.) Hạ cung.

Tả hữu hành lang mỗi chiếc 9 gian, phòng sư, phòng khách, và bàn giấy Công văn. Nối sau hành lang mà bên tả có chiếc nhà lầu 2 tầng, kinh tạng chứa ở đó.

Hậu-đường bảy lè phẩm, Táo đường ở sau cùng.

Gác chuông ở ngay dữa Tượng cung, 2 tầng, dưới treo khánh đá, trên treo chuông. Kiểu trước xây rất cỗi-lỗ, nay trụ trì tăng hiệp cùng bản xã, xi măng cốt sắt sửa lại 3 tầng, cao và rộng, đắp tượng thập điện, vẽ phông sơn thày, hợp với nỹ thuật tân thời, 15 tháng giêng năm Bảo đại bình 11 thứ 10 (7-2 1936) khởi công, tiết Trung nguyên xây đã xong, Lễ khánh thành tằm vào ngày 13 tháng 2 năm Đinh sửu mới đây (25-3-1937).

Dừa vườn hoa đồng có 2 chiếc tiêu đá kê lỏ-thiên cách nhau độ 9, 10 thước, chiếc dài hình chữ nhật trong xếp xương, chiếc vuông để hoa cái, mở, đây tùy ý không ai cấm, nghe đâu mộ này rất thiêng thuộc về một họ Vũ.

Thượng cung mã bài bên hành lang có dựng 17 cây bia, ngày qua tháng lại, gió đục mưa mài, đá vẫn còn trơ, mà chữ mòn hồ hết. Tựa trung chỉ còn 7, 8 cây là còn thể kê cứu được, hiện trường Viễn-dông Bắc rõ đã vẽ sao lục. Nay xin ghi những bia mà còn ghi được như sau :

Bia « *Tạo thạch long thạch lập* » lập ngày tốt tháng quý đông năm Lê Chính hòa thứ 3 (1682)

Bia « *Lập hữu hành lang* », lập tháng trọng xuân năm Giáp-tý, Lê Chính hòa thứ 5. (1684)

Bia « *Hưng công tạo thượng điện* » lập ngày tốt tháng mạnh xuân năm Kỷ tỵ Lê Cảnh hưng thứ 10 (1749)

Bia « *Tự điền học điền* » lập ngày tốt tháng trọng-thu năm Cảnh hưng 27 (1766).

Bia « *Lập Phật hậu phúc đức* » lập ngày tốt tháng mạnh hạ năm bình tuất, bản triều Minh mạnh thứ 7 (1826)

Bia « *Chỉnh niệm* » lập ngày tốt tháng mạnh-thu năm Giáp-tí hiệu Khải định thứ 10. (1924)

Bia « *Trùng tu* » lập ngày mồng 1 tháng 11, năm Bình dân, hoàng Bảo Đại nguyên niên, (1925)

Câu đối sơn son phủ vàng hơn mười đôi.

Trở lên là chưa kể về Thiên-tông, cứ như bộ « *Phiến lâm tự Thiên phủ chép* :

Tổ thứ 1. Nam-mô viên quang tháp ma-ha-sa đĩ hải-khoa-thích xán-xán án cần tinh-tiến thiên sư hóa thân bồ-tát, viên tịch ngày mồng 5 tháng giêng.

Tổ thứ 2, Nam-mô từ-quang tháp, ma a nhược đàm dung thông pháp hỷ tịch-tĩnh phổ chiếu viên-minh thiên-sư, viên tịch ngày 20 tháng 10.

Tổ thứ 3, Nam mô Bảo sơn tháp từ bi quảng đại  
phú tuệ viên minh, trí cự tỉ khẩu tính thược tất  
tất viên dung hòa thượng phổ tế thiên-sư hóa thân  
bồ tát viên tịch vào 19 tháng 4.

Tổ thứ 4, Nam-mô thanh quang tháp ơn từ du  
dà truyền tập pháp hỷ giác diệu hiển linh đại sư  
hóa thân bồ-tát viên tịch vào 24 tháng 8.

Tổ thứ 5 Nam-mô lý trần am từ bi tỉ khẩu pháp  
hỷ đạo lương duệ thiên-sư, viên tịch vào 20 tháng 3.

Tổ thứ 6, Nam mô từ tại am sa di tự đạo ngân  
thiên-sư viên tịch vào 20 tháng 6.

Tổ thứ 7, Nam mô từ-tường am sa di tự đạo  
minh thiên-sư viên tịch 29 tháng 7.

Tổ thứ 8 Nam mô Vinh minh tháp thanh lưu  
tỉ khẩu pháp hỷ đạo phá tiêm trí kính thiên sư  
nhục thân bồ tát viên tịch 24 tháng 5.

Tổ thứ 9, Nam mô tôn sư pháp hỷ Sinh uyên  
nhục thân bồ tát, viên tịch 19 tháng 4.

Tổ thứ 10, Nam mô tôn sư tự du bộ tỉ khẩu pháp  
hỷ Sinh phương tự tại thiên sư viên-tịch 16 tháng .

Tổ thứ 11, Nam mô huyền-minh tháp khất sĩ  
Thông quang chấn tự Tô hiệu Ngọc-châu như như  
thiên-sư viên tịch 22 tháng 10

Tổ thứ 12, Nam-mô vô-thường minh tháp tỷ-  
khẩu pháp hỷ Thanh-đài thích pháp trực viên  
tịch giờ mỗ 27 tháng 9 năm nhâm-thân (1927).

Sư cụ Vũ-thanh-Quán pháp biếu Thanh-quy, người ở bản  
xã, tức là trụ-trì tăng ngày nay.

Đệ-niên cứ 22 tháng giêng làm lễ « *nhưng tinh* » hiêm vi  
tiết xuân. hay mưa, lại đêm đó không trăng. Mỗi đây dời  
vào 15 thập phương thiện-tín đi lại đều được tiền lợi.

Tiết kia, dân nọ, cũng nòng-nàn như các chùa giàu có  
khác. Duy có tháng 7, là tiết trung-nguyên thì có vẻ nào-

nhật hơn. Số là các hội Tập phúc nam và nữ, mới và cũ theo lần-lượt tổ-chức cuộc lễ, tự sáng mồng 10 rước kiềng-linh cho tới hết ngày 16. Đền-hương nghi-ngất, chướng-trống ồn ào, kẻ tụng kinh, người cúng Phật, bọn ra lễ vật, trừ mấy trăm các hội-viên ra, thôi thì đủ các giai-cấp. Cuộc nói vui-vẻ, trò truyện êm-dềm, tỏ ra một cái thế giới đại-đồng.

Ấy phong-cảnh chùa Phúc-lâm là thế ! Lịch sử chùa Phúc-lâm là thế ! Tôi tả đây chỉ là một sự thực, song cũng còn nhiều điều khuyết-diêm, chứng tôi hậu-sinh tuổi thì ít, thì thì sơ, chưa thể khảo-cứu cùng-tột được,

Tuy nhiên, đã biết đến chùa, trước cũng phải nhớ công đức Phật. Ta là người trong đời, Phật là người ngoài đời. Được khổ, thua khổ, đối khổ, no khổ, Phật cho đời người toàn là bề khổ ở trong giấc mộng cả. Lúc nào ngài cũng muốn cho ta đem cái tâm tính-tiến nhàn-nhục mà tạo nên bỉ-ngạn. Không những thế thôi đâu, người lại đem « bình-đăng bác-ái » làm pháp-phương-tiện tuệ-dịch cứu cho hết thấy chúng-sinh. Như vậy, ta là con cháu Phật, đồ đệ Phật muốn học Phật trước hết ta phải thế nào ? Tu chùa mà không tu-thân được đư ? Cứ hằng ngày bốn-ba trọng trường tranh-cạnh mà trọn đời không biết đến chùa được đư ?

Nam mô A-di đà Phật

## CÔNG VIỆC TIỀN HÀNH CỦA CHI HỘI PHẬT-GIÁO TẾ-XUYỀN HÀ-NAM

Nhân dịp cụ cử-nhân Ngô-huy-Chiều từ chức Đại-đại Ngày mồng 2 tháng 2 ta, tức là 3 Mars 1938 chi hội Phật giáo Tế-xuyên chiêu tập đại hội đồng bầu ban Trị sự từ hôm ấy đúng vào ngày kỷ lễ nên thập-phương về dự lễ đồng, có cả quan Tri-phủ Phạm-quang-Đầu luật khoa tỉnh và quan huyện Tự-pháp Lê-văn-Cầu cùng hai phu-nhũ



cũng về dự lễ, do quan Giáo-thụ Hoàng-văn-Hanh giới-thiệu, dân sở tại tổ chức cuộc nghinh tiếp rất sang trọng, đúng 11 giờ thời các quan lối chùa, ban Đạo-sư và hội-viên ra chào mừng. quan Phủ đứng cảm ơn và ngài nói : Tôi mới về nhậm chức đây nửa tháng nay, hôm nay tôi về đây, trước là lễ Phật sau là văn cảnh tùy hỷ sư tổ và hội viên, tôi tuy xuất thân Âu học, song khi du học ở Pháp cũng như khi ở nước nhà, hàng ngày không lúc nào tôi quên Phật-giáo và Nho-giáo là hai Tôn-giáo bản bửu của nước ta, tôi lại nhận rõ Tôn-giáo giúp đỡ cho sự trị-an rất nhiều, người ta biết luận ở vào địa vị nào muốn cho phần tinh-thần và phần thể-xác đều được nhẹ nhõm thanh cao, thời cần phải quy-hướng về Tôn-giáo, nay tôi về đây thấy có sư-tổ cao tăng đạo đức, có ngôi phạm-vũ trang-nghệm, nhất là tôi mục-kích lòng xu hướng tín-nguỡng của thân bào thiệu-tín đồng đức như thế này, thực tôi lấy làm vui mừng và cảm động, tôi sẽ lấy lễ công bằng mà ngoại hộ Phật-giáo cũng như các quan ở các địa-phương khác. Toàn hội đều vỗ tay, quan huyện Tư-pháp đứng nói : Tôi về giữ ngạch Tư-pháp gần 3 năm nay, tôi đã hiểu rõ tinh hình trong hạt, tôi mong rằng nhân dân theo đúng như giáo hóa của Phật. Giáo-hóa của Phật nó có cái mãnh lực thiêng liêng ngăn ngừa được cái mầm tội vô hình ở trong lòng người, nhân dân biết giữ tam-qui ngũ-giới, bỏ tham, sân, si, không hiềm khích nhau, không phân bè đảng, không vì những sự nhỏ mọn mà tổ tụng nhau, thời công việc văn-án của tôi nhàn rỗi sung sướng biết chừng nào. Toàn hội lại vỗ tay, đoạn rồi các quan vận lễ phục lên chùa làm lễ, rồi lại xuống nhà tổ thụ trai, trên quan dưới dân bữa tiệc chay rất êm dềm vui vẻ, thụ trai xong các quan và toàn hội lại lên chùa dể dâng, quan Giáo-thụ đứng trước công chúng diển-dãng, đại ý ngài nói Phật-giáo rất thích hợp với cái trào lưu hiện thời. Chánh phủ Bình dân nay đương thực-hành chủ-nghĩa cứu tế, mà phương pháp cứu tế thời không gì hay hơn là đem thuyết Bá-thứ của Phật dạy mà thi hành, ngài lại

kề mấy truyen người Âu-châu đi quyen-giáo ở bên Âu-châu rất buồn cười. toàn hội lại vô tay.

Kết quả bầu ban trị sự mới như sau này :

Chánh đại-lý Hoàng-văn-Hanh Giáo thụ.

Phó đại lý Trần-mạnh-Hàm chánh tống, Nguyễn - đưc. Khuê chánh tống.

Thủ quỹ Đỗ duy-Tường cựu chánh tống, Trần-văn-Cực cựu hội-viên.

Thư ký Nguyễn-văn-Phụng Phó tống, Tạ văn-Cơ giáo học.

Quản lý Đỗ-trần-Bảo hiệu Thái-lòà.

Sau khi ký xong biên bản toàn hội xin dâng hai quan hai chữ danh dự hội viên của chi hội, quan phủ và quan huyện đều vui lòng nhận.

Quan phủ Phạm-quang-Đầu cúng vào quỹ hội 10\$00.

Quan huyện Tư pháp Lê văn-Cầu cúng 5\$00.

Quan giáo thụ Hoàng-văn-Hanh chánh đại lý cúng 10\$00.

Thu tiền của hội viên cúng góp làm chùa Hội quán Trung ương được 60.00

4 giờ chiều hội đồng giải tán.

## THÁI-HÒA

### LỄ KHÁNH THÀNH CHI HỘI PHẬT-GIÁO XÃ BẢO-LỘC SƠN-TÂY

Theo lệnh Cụ Chánh Hội-trưởng, ban ủy-viên Trung ương Lộ, Phật-giáo Hanoi, sáng ngày 20 Février (21 tháng riêng ta) 1933 lên xã bảo-lộc, Sơn-tây chứng lễ thành lập chi hội xã ấy. Ban ủy-viên có sư ông Trí-Hải một vị ni khâu nữa và hai vị Cư-sĩ : cụ Lê-loại, cụ Đỗ-nam-tử.

Ban ủy viên đến nơi, thấy hội sở trần-thiết rất long trọng. Hội sở đặt tại chùa Long hoa làng ấy, sư cụ Giám viện là Trần văn Hộ, đại lý bên tại-gia là ông Nguyễn

hữu Quã, ban Trị sự của chi hội đón ủy-ban vào tới chùa đã thấy các quan tỉnh Sơn tây quan Chánh Công sứ đại-nhân, quan Tuần phủ Phạm văn Hanh đại-nhân, quan Bố chính Từ-bộ-Thực Đại-nhân, Quan Giám binh Đại-nhân và quan Tri huyện Phúc thọ Trần-lưu-Khiết Đại-nhân về chứng lễ. Lại Chi hội tỉnh bộ tỉnh Sơn tây cũng về chứng lễ đông. có Cụ Cấp văn Tần, nguyên Tri-phủ, phó đại lý tỉnh bộ và ông Quản lý Nguyễn-há-Nghiệp v. v.

Sau khi Chi hội Bảo-lộc đọc chúc từ, cụ Lê-Toại đứng lên nói tiếng pháp thay hội cảm ơn các quan tỉnh, tiếp đến sư ông Trí-hải đứng lên thuyết pháp về mục đích và công việc của Hội Phật-giáo như việc diễn giảng, mở trường dạy con nhà nghèo, ông Quản-lý tỉnh bộ tiếp đọc chúc từ mừng chi hội và khuyên nên gắng sức cho thành công quả. Đoạn cụ Đờ-nam-tử giảng thêm về luân-lý tứ ân và công đức của ba phép bố-thí, khuyên giáo hữu nên nhớ luôn và thực hành cho lợi ích ngay đời hiện thế mà cùng giải thoát mọi cái khổ cho quần chúng. Xem ra các quan và giáo hữu đều hoan hỉ. Cụ Phủ-Cấp đứng lên cảm ơn hội Trung ương Phật-giáo và nói những bài thuyết-pháp, nghĩa hay và rõ ràng ai cũng hiểu được và có ích cho luân lý hiện tại như thế thực là lợi lạc cho giáo hữu.

Diễn giảng xong, các quan tỉnh ra về Chi hội mời hai ban trị sự tỉnh bộ và Ủy ban Trung ương dùng trai, 2 giờ rưỡi, Ủy ban về tới Hanoi.

### *Việc làm chùa Hội-quán Trung-ương*

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre và biên-bản hội-đồng Quin-trị ngày 24 Octobre 1937, thì các hội viên trong hội đều cùng góp mỗi vị một đồng (1\$00) để lấy tiền khởi công làm chùa Hội-quán.

Vậy xin dâng phương danh các vị hội viên chi hội Bách-lộc Sơn-tây đã cùng góp lên báo chương để các thiện-tín, thập-phương chứng giám.

Ha thượng Trung, Nguyễn văn Tụng, Hạ quang Thái, Hạ văn Bùng, Nguyễn thị Liệt, Nguyễn thị Thiệp, Nguyễn thị Xuyên, Cấn thị Cảnh, Đào thị Hào, Bùi thị Hiếu, Khuất văn Cẩn, Kiều thị Đanh, Khuất thị Thiệp, Khuất thị Long, Khuất văn Uông, Nguyễn thị Nhân, Kiều thị Nhạc, Nguyễn thị Hợp, Nguyễn thị Ngừ, Nguyễn duy Phu, Kiều hữu Lập, Hạ văn Luận, Trịnh thị Ýnh, Kiều thị Lâm, Hạ thị Thuán, Bùi thị Vân, Kiều thị Nhõ, Khuất văn Hòe, Nguyễn thị Nghé, Hạ văn Trang, Nguyễn thị Bại, Nguyễn thị Uyển, Nguyễn văn Vi, Nguyễn duy Chinh, Hạ văn Chi, Hạ văn Lữ, Nguyễn văn Vị, Nguyễn duy Sâm, Nguyễn văn Chất, Khuất thị Khoa, Khuất văn Bích, Nguyễn hữu Bạ, Khuất văn Mẫu, Nguyễn duy Việ, Kiều thị Quít, Khuất trọng Thúc, Ngô thị Kham, Nguyễn thị Gi, Nguyễn duy Bính, Nguyễn thị Súc.

## THỜI SỰ

### TIN TRONG NƯỚC

**Một nghề mới, đãi cát lấy vàng.** — Ở châu Chiêm-hóa, tỉnh Tuyên quang Bắc-kỳ, mới tưng cho dân nghề một mới lợi lớn và lâu dài là cái nghề đãi cát lấy vàng. Nghề ấy có đã ba năm nay, phát minh ra do một người khách-trú ở Lầu-cai về thí nghiệm, rồi dân ở vùng đó bắt chước cách làm. Châu Chiêm hóa có một con sông là sông Gấm, lòng sông cát bồi. Khu vực cát bồi ấy dài lên trên châu lý 9 cây số đến Phong-rin, xuống dưới châu lý 14 cây số đến Đai-thị là chỗ có mật vàng lẫn trong cát, có chỗ càng đào sâu càng có nhiều, người ta cứ mới lấy cát lên rồi đãi cát ra thì mật vàng lắng lại. Hiện nay mỗi ngày có tới 5, 6 trăm người hằng ngày ra sông đãi cát lấy vàng thành một nghề ăn thông thả mà chắc chắn.

Cách đãi cát, người ta đèo một cái thuyền thoi bằng gỗ như cái thuyền gang tán thuốc, tùy người lớn trẻ con

mà dũa dài ngắn. Đánh lòng thoi cho nhẵn. Khi dũa súc cát cho vào thoi rồi vừa lắc vừa lựa cho sỏi cát tràn ra, còn mặt vàng lắng xuống, dính vào lòng thoi thì vét mà lấy. Có khi may được những hạt vàng to bằng hạt kê hạt lấm gạo. Trẻ con và người yếu làm chậm, mỗi ngày được đáng 2, 3 hào, người lớn khỏe mạnh làm nhanh, có hôm được đáng 1, 2 đồng bạc, châu lỵ Chiêm hóa ở gần sông Gấm, có phố xá, hiệu khách và buôn bán đông vui, bè gỗ nữa đi qua xau-xát đường về tỉnh-thành Tuyên-quang rất tiện. Ba năm nay nhân-dân vùng ấy nhờ được cái nghề dũa cát lấy vàng này mà mọi nhà được no đủ. Hằng ngày dũa được vàng thì đem bán cho các hiệu khách hoặc hiệu ta. Thấy mỗi buóa bán có lời, nhiều người bỏ nghề buôn bè về thuê phu đi dũa cát lấy vàng, ngày kiếm được mười đồng bạc là thường. Nay quan Thủ-hiển Tuyên-quang đã phái quan Lục-lộ Trịnh-huy-Công lên đó khảo cứu. Ông Công nói đào xâu trong 10 thước khối còn có vàng, mà dân dũa 3 năm nay chỉ mòi sơ trên mặt bãi và lỗ-trở như hang chuột mà thôi, chưa thắm thía vào đâu, ông Công muốn chẻ ra cái khí cụ tiện sảo hơn cái thoi gỗ ấy để giúp cho dân dũa được chóng hơn. Hiện giá vàng trong thế-giới đang cao, mà dân tỉnh trung châu đang khổ quẩn vì không có việc sinh-nhai. Nay phát hiện ra được một công việc làm ăn chắc chắn, trong hơn 20 cây số cát lẫn với vàng, thực là cái nguồn lợi vô cùng, dong được vô số nhân dân đến mà làm ăn sinh-hoạt. Chúng tôi mong Nhà nước nên cõ-lệ cho nhân-dân trung-châu biết mà kéo nhau lên Chiêm-hóa dũa vàng. Thực là một việc di dân. Nhà nước không phải tốn kém gì.

**Không được dự tế ở làng, ra hồ Hoàn-kiểm tự-tử.** — Cội đình làng nó đã giam hãm và tiêu ma bao nhiêu tài-trí nhân dân từ xưa tới nay. Nó không những giam hãm những người xuất đời ở trong giặng tre xanh mà nó còn có ma-lực thiêng-liêng màu nhiệm lôi kéo những người đã ra khỏi giặng tre xanh kia về nữa. Cho

nên đã sinh ra ở làng không ai thoát được cái tư tưởng hung-bái thịt xôi ở đình làng. Phàm kẻ đi làm quan, kẻ đi tông quân, kẻ đi làm ăn buôn bán đều vì cái đình làng mà đi cả. Tức là đi kiếm tiền kiếm tước vị thế lực để về tranh lấy miếng thịt biếu. Thắng thì vinh, về vang mồn nguyên làm người, bại thì chết chẳng tha sống mà không được ăn thịt biếu. Cũng vì thế mà số Đuốc-Tuệ đầu xuân, chúng tôi đã có bài văn Giải ách, trong có lời giải ách cho kẻ bị nợ miệng nặng nề ở làng thì được « Hường ấm giải phóng », kẻ bị hào cường hà hiếp thì cứ « tự do bỏ làng ». Nhưng vì ít người đọc đến hay là vì óc người làng nhiễm sâu về cái tư tưởng « sống ở làng », nên nay lại có cái việc tự-trảm vì việc làng. Số là ông Nguyễn-văn-Thử người làng Từ-kỳ, huyện Thanh-tri, Hà đông, sáng ngày 23 Mars nhảy xuống hồ Hoàn-kiến ở Hanoi tự tử, người ta vớt được ông Thử lên xem trong mình có thư của Thử viết để lại, nói mình ra lính đi tây mấy năm, về đã khao vọng vào hội « Tự-văn » tốn 4, 5 trăm bạc. Tức là được vào chân đi tế lễ và ăn phần đũa cỗ biếu. Thế mà năm nay, Chánh-hội, Lý-trưởng, Phó lý nhờ thế một ông quan trên Tỉnh mà chuất không cho Thử dự tế lễ. Sống thế cũng như chết, Tử liền quyền sinh. Có người cho là Thử dọa bọn Hường lý Song dù thế mặc lòng dọa mà phải dùng cái kẻ cùng đường ấy, đủ biết Thử ở trong làng là có thế lắm. Nhưng mà Thử là kẻ chí hèn, sao không theo phương pháp giải-ách của Đuốc-Tuệ, « Tự do bỏ làng » lên tỉnh sinh cơ lập nghiệp, còn vạn cái vinh-dự với đời, cứ gì phải đi tế mới là đáng sống.

### TIN THẾ - GIỚI

Việc bên Pháp. Ủy ban tái-chính ở Thượng Nghị-viện Pháp chiều 24 Mars đã phản đối chính sách lý-tài của ông Léon Blum. Người ta lo Nội-cá: Bình-dân mới của ông Léon Blum sẽ bị đổ vì cơ đó. Cũng ngày hôm ấy một vụ thợ nhà máy Citroën đã đình công và nói là đã chiếm lấy cả nhà máy. Nhưng chưa xảy ra việc gì nghiêm trọng.

## GỚI THIỆU BÁO MỚI

Bản báo nhận được thư của ông Nguyễn Văn Lô cho biết rằng hôm 25 Mars 1938, tờ « TÂN BÁO » ra số đầu do ông làm chủ nhiệm. Báo ra hàng tuần, vào ngày thứ sáu, mỗi số 4 xu.

Bản báo xin kính mừng bạn đồng nghiệp và giới thiệu cùng đọc giả Đuốc Tuệ.

## BÁ CÁO

Chi Hội Phật giáo Yên-mỹ (Hưng-yên) mất trộm quyền biên lai thu tiền cúng góp làm chùa Hội-quán Trung-ương từ số 1756 đến số 1800. Chứ không phải số 1701 đến 1750 như kỳ báo trước đã đăng, vậy cải chính, và xin nhắc đề thập-phụng thiện-tín hiết cho là biên lai từ số 1756 đến 1800 không có giá trị gì về việc thu tiền nữa.

## TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỠ

Sư cụ Nguyễn Thanh Cúc trụ trì chùa xã Nham cấp, phủ Nam sách Haidương viên tịch 24-12-37.

Nguyễn thị Sói xã Thủy Lâm Thanh Hà Haidương ngày viên tịch 21-1-38.

M. Lê Văn Tấn ở Phố hàng Bông Hanoi viên tịch ngày 27-2-38.

Mme Nguyễn thị Viêt ở 13 Julien blanc Hanoi, viên tịch ngày 2 Mars 1938.

Cụ Vũ thị Quý, ở 51 Phố Hàng Lọng Hanoi, viên tịch ngày 4-3-37.

Cụ Hoàng thị Hương ở 22 Rue du Sel Hanoi, viên tịch ngày 4-3-39.

Cụ Bùi tại Hiếu ở xã Thanh phần Thạch thất Sơn-tây viên tịch ngày 14-2-38.

Sư cụ Trần nho Tự, 74 tuổi, Trụ trì chùa Đông tãi, Huyện An lão Tỉnh Kiến an, viên tịch 14 tháng 11 năm Đinh sửu.

Sư ông Tự tâm Chuyên, 47 tuổi, Trụ trì chùa Tráng-Duyệt, Huyện An dương Tỉnh Kiến an, viên tịch 4 tháng 12 năm Đinh sửu.

**QUÍ DANH CÁC VỊ HỘI VIÊN ĐIỂN GIẢNG  
TẠI CHÙA HỘI-QUÁN TRUNG-ƯƠNG  
(Chùa Quán-sứ Hanoi)**

Cụ Phó báng Bùi Kỳ	diễn ngày rằm tháng	Ba
« Bô-chánh Nguyễn huy Xương	»	Tư
« Trần văn-Giáp	»	Năm
« Phạm-tài-Luyện	»	Sáu
« Nguyễn-hữu-Kha	»	Bảy
« Vũ duy-Hoán	»	Tám
« Vũ-huy-Sước	»	Chín
« Dương-bá-Trạc	»	Mười
« Nguyễn hữu-Tiền	»	Một

**HỘP THƠ**

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng mandat)

M.M. Nguyễn văn Thơ, Thái Bình	0\$80
Phan tinh Nam, Faifoo	1.50
Nguyễn Đăng, Travinh	1.50
Phạm đức Đầu, Kiến-an	1.00
Lê vĩnh An —	1.00
Tạ đức Huyền —	1.00
Vân sùng Sỹ —	1.00
Bà Lý thị Giậu —	1.00
Sư ông chùa Dương Áo —	1.00
Hồ hữu Ngọc, Châu đốc	2.00
Nguyễn hữu Khiết, Haiphong	1.00
Giác thọ Long dương, Travinh	2.00
Triệu. Phuompenh	1.00

Mlle Tư Diệu Kế, Cần thơ (timbres) 0.96

M. Phạm văn Ngân Kiến an. Vì tảo vẫn gửi về số 63, Phố Bảo đại Kiến an.

M Vũ tân Đắc Phan Tiết. — Ông Trương - Mão (muiné. Phan tiết) nói có gửi ngài 1\$00 để trả tiền báo Đ. T. Vậy xin ngài vui lòng gửi về cho Bản báo liệt việc sổ sách.

**ĐUỐC-TUỆ**

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản lý CUNG ĐÌNH BÌNH